

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NAM TRỰC
TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM TIẾN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

NAM TRỰC, THÁNG 5 NĂM 2020

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Thị Hạnh	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Vũ Thị Thanh Thủy	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Đỗ Thị Thu Hương	Giáo viên	Thư ký	
4	Trương Thị Bình	Phó hiệu trưởng	Thành viên	
5	Mai Hữu Phi	Chủ tịch công đoàn	Thành viên	
6	Phan Văn Cảnh	Tổng phụ trách	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tổ trưởng tổ 1	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Bắc	Tổ trưởng tổ 2	Thành viên	
9	Đỗ Thị Là	Tổ trưởng tổ 3	Thành viên	
10	Nguyễn Thị Nhài	Tổ trưởng tổ 4	Thành viên	
11	Nguyễn Thị Mai Hiền	Tổ trưởng tổ 5	Thành viên	
12	Trần Thị Việt Nga	Tổ phó tổ 5	Thành viên	
13	Lê Thị Thu	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên	
14	Đỗ Thị Hằng	Nhân viên văn thư	Thành viên	
15	Cao Thị Thơ	Giáo viên	Thành viên	

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả TDG	6
PHẦN 1: CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA NHÀ TRƯỜNG	8
PHẦN 2: TỰ ĐÁNH GIÁ	
A. Đặt vấn đề.	11
B. Tự đánh giá	12
I. Tự đánh giá tiêu chí mức 1,2,3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	12
Tiêu chí 1.1	12
Tiêu chí 1.2	15
Tiêu chí 1.3	16
Tiêu chí 1.4	20
Tiêu chí 1.5	23
Tiêu chí 1.6	25
Tiêu chí 1.7	28
Tiêu chí 1.8	31
Tiêu chí 1.9	33
Tiêu chí 1.10	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	40
Tiêu chí 2.1	40
Tiêu chí 2.2	42
Tiêu chí 2.3	44
Tiêu chí 2.4	46
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	49
Tiêu chí 3.1	49
Tiêu chí 3.2	51
Tiêu chí 3.3	52
Tiêu chí 3.4	55

Nội dung	Trang
Tiêu chí 3.5	56
Tiêu chí 3.6	59
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	62
Tiêu chí 4.1	62
Tiêu chí 4.2	65
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	68
Tiêu chí 5.1	69
Tiêu chí 5.2	70
Tiêu chí 5.3	74
Tiêu chí 5.4	76
Tiêu chí 5.5	77
II. Tự đánh giá tiêu chí mức 4	80
Tiêu chí 1	80
Tiêu chí 2	81
Tiêu chí 3	82
Tiêu chí 4	83
Tiêu chí 5	84
Phần III. Kết luận chung	85

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Nội dung viết tắt	Chữ viết tắt	Ghi chú
1	Ban giám hiệu	BGH	
2	Cán bộ	CB	
3	Cha mẹ học sinh	CMHS	
4	Công nghệ thông tin	CNTT	
5	Chuyên môn nghiệp vụ	CMNV	
6	Cơ sở vật chất	CSVC	
7	Giáo dục	GD	
8	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT	
9	Giáo viên	GV	
10	Hiệu trưởng	HT	
11	Hoàn thành chương trình tiểu học	HTCTTH	
12	Học sinh	HS	
13	Hội đồng trường	HĐT	
14	Kiểm định chất lượng	KĐCL	
15	Nhân viên	NV	
16	Phổ cập giáo dục	PCGD	
17	Sinh hoạt chuyên môn	SHCM	
18	Tự đánh giá	TĐG	
19	Tổng phụ trách	TPT	
20	Ủy ban nhân dân	UBND	
21	Văn phòng	VP	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	---
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	---
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	---
Tiêu chí 1.8		X	X	---
Tiêu chí 1.9		X	X	---
Tiêu chí 1.10		X	X	---
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	---
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	---
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	X		
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	

Kết quả: Đạt mức 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định thành lập): Trường Tiểu học Nam Tiên.
Cơ quan chủ quản: Phòng GD&ĐT huyện Nam Trực.

Tỉnh	Nam Định	Tên hiệu trường	Lê Thị Hạnh
Huyện:	Nam Trực	Điện thoại trường	
Xã:	Nam Tiên	Fax	
Đạt chuẩn Quốc gia:	Mức độ 2	Web:	http://thnamtien.pgdnamtruc.edu.vn
Năm thành lập trường	1955	Số điểm trường	2
Công lập	x	Có HS khuyết tật	x
Tư thực		Có HS bán trú	x
Vùng đặc biệt khó khăn		Có HS nội trú	
Trường liên kết với nước ngoài		Loại hình khác	
Trường phổ thông DTNT			

1. Số lớp học (số liệu tính đến ngày 20/3/2020)

Số lớp học	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018 -2019	Năm học 2019 -2020
Khối lớp 1	4	4	4	4	4	6
Khối lớp 2	4	4	4	4	4	6
Khối lớp 3	5	4	4	4	4	6
Khối lớp 4	3	5	4	4	4	5
Khối lớp 5	4	3	5	4	4	5
Cộng	20	20	21	20	20	28

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường (số liệu tính đến ngày (20/3/2020)

Tt	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	27	27	27	27	28	44
1	Phòng học	20	20	21	20	20	28
a	Phòng kiên cố	15	15	16	15	20	28
b	Phòng bán kiên cố	5	5	5	5	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	3	3	3	3	4	8
a	Phòng kiên cố	3	3	3	3	4	8
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0

3	Khối phục vụ học tập	4	4	3	4	4	8
a	Phòng kiên cố	4	4	3	4	4	8
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính-quản trị	6	6	6	7	8	13
1	Phòng kiên cố	6	6	6	7	8	13
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
III	Thư viện	1	1	1	1	1	2
	Cộng	34	34	34	35	37	59

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG (số liệu tính đến ngày 20/3/2020)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01				01	
Phó hiệu trưởng	02	02				02	
Giáo viên	42	38			02	40	
Nhân viên	08	08			07	01	
Cộng	53	49			09	44	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Tổng số GV	27	28	30	29	29	42
Tỉ lệ GV/lớp	1,35	1,4	1,43	1,45	1,45	1,5
Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện và tương đương	9	10	10	12	16	19
Tổng số GV dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	0	0	0	0	1	1

4. Học sinh

a) Số liệu chung (số liệu tính đến ngày 20/3/2020)

Số liệu	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020
Tổng số học sinh	593	591	610	599	627	893

- Nữ	278	285	294	289	303	446
- Dân tộc	0	0	0	0	0	0
- Khối lớp 1	121	126	116	127	145	190
- Khối lớp 2	121	114	121	115	128	207
- Khối lớp 3	144	121	114	123	120	181
- Khối lớp 4	89	139	120	115	118	155
- Khối lớp 5	118	91	139	119	116	160
Tổng số tuyển mới	120	122	115	125	150	189
Học 2 buổi/ngày	593	591	610	599	627	893
Bán trú	0	0	0	0	80	160
Nội trú	0	0	0	0	0	0
Bình quân số học sinh/lớp học	31	30	29	30	31	32
Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	584 98,5%	581 98,3%	603 98,8%	591 98,7%	617 98,4%	879 98,4%
- Nữ	275	281	290	285	300	441
- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0
Tổng số học sinh giỏi cấp huyện	97	138	147	95	90	
Tổng số học sinh giỏi cấp tỉnh	3	0	2	2	5	
Tổng số học sinh giỏi quốc gia	1	1	0	41	15	
Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	40	30	26	20	18	18
- Nữ	21	15	14	11	10	8
- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0
T. số HS có hoàn cảnh đặc biệt	3	3	2	5	5	5

b) Công tác phổ cập và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020
Trong địa bàn tuyển sinh tỉ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%	100%
Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học	99,2%	99,8%	99,7%	99,7%	99,4%	
Tỷ lệ HS 11 tuổi HTCTTH	98,6%	98,1%	99,2%	99,5%	98,8%	
Tỷ lệ HS 14 tuổi HTCTTH	100%	100%	99,8%	99,8%	100%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Nam Tiến là một xã nằm ở phía Đông Nam huyện Nam Trực. Diện tích đất tự nhiên của xã là 955, 58 héc -ta, dân số trên 12 nghìn người, giao thông rất thuận tiện với hai trục đường lớn chạy qua: tỉnh lộ 487 chạy theo hướng Đông – Tây, nối quốc lộ 21B và tỉnh lộ 490; quốc lộ 21B chạy theo hướng Bắc – Nam. Xã gồm 7 thôn, làng cổ là: Cổ Giã, An Nông, Thạch Cầu, Đồng Quỳ, Đạo Quỳ, Nam Trực và Lạc Chính.

Trường tiểu học Nam Tiến nằm trên trục đường tỉnh lộ 487, thuộc địa bàn thôn Thạch Cầu. Trường là một trong 3 trường học của xã Nam Tiến, làm công tác phổ cập giáo dục tiểu học trên địa bàn xã Nam Tiến. Trường tiểu học Nam Tiến được thành lập từ năm 1952. Trải qua gần 70 năm xây dựng và trưởng thành, trường đã có nhiều đổi mới và thành tích rất đáng ghi nhận. Tháng 7/2002, trường Tiểu học Nam Tiến vinh dự được đón bằng công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1. Với sự quyết tâm, nỗ lực phấn đấu, tháng 7/2012, nhà trường được công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2; tháng 5/2013, trường được công nhận đạt Chuẩn xanh – sạch – đẹp – an toàn và Chuẩn thư viện. Tháng 7/2018, nhà trường được công nhận lại trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2. Tháng 9 năm 2019, trường Tiểu học Nam Tiến được sáp nhập với trường Tiểu học Nam Sơn – một trường tiểu học cùng xã cũng đã được công nhận đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2, Chuẩn xanh – sạch – đẹp – an toàn năm 2014, lấy tên là trường Tiểu học Nam Tiến. Trong quá trình phát triển, trường Tiểu học Nam Tiến liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc”, được các cấp tặng cờ thi đua, bằng khen, giấy khen.

Phát huy tốt vai trò của trường đạt Chuẩn quốc gia, trong những năm qua, chất lượng giảng dạy và GD của nhà trường có những bước tiến vững chắc. Hàng năm, nhà trường có từ 99 % - 100% HS được đánh giá đạt về phẩm chất và năng lực. Tỷ lệ HS 11 tuổi HTCTTH, tỷ lệ HS lên lớp hàng năm đạt từ 98% trở lên. Đặc biệt, nhiều năm học nhà trường có HS tham dự và đạt giải trong kỳ thi HS giỏi, hội thi, giao lưu cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia.

2. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện TĐG nghiêm túc. Công tác TĐG của nhà trường đã mang lại hiệu quả thiết thực. Toàn bộ CB, GV, NV của trường được nghiên cứu sâu và nghiên cứu có hiệu quả về quy trình, nội dung các hoạt động mà họ đang trực tiếp thực hiện hàng ngày, hàng giờ trong trường tiểu học. Thông qua việc TĐG, họ nắm bắt được chất lượng công việc của mình đang ở điểm nào, từ đó xác định cho mình các biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc của bản thân, nâng cao chất lượng GD của đơn vị.

Sau khi nghiên cứu quy trình và chu trình kiểm định chất lượng cơ sở GD phổ thông, nghiên cứu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT, chúng tôi đã thành lập Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Hội đồng TĐG; tổ chức tập huấn nghiệp vụ đánh giá cho CB, GV, NV của trường và yêu cầu tất cả CB, GV, NV của trường phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên của Hội đồng TĐG để làm tốt công tác TĐG. Hội đồng TĐG đã xây dựng kế hoạch TĐG và tiến hành thực hiện TĐG theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

Mặc dù đã xây dựng kế hoạch TĐG rất cụ thể, chi tiết và công tác TĐG đã được tiến hành hàng năm song do công tác TĐG theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT có nhiều điểm mới nên quá trình thực hiện kế hoạch TĐG của nhà trường chưa thật đúng theo quy trình và tiến độ kế hoạch đề ra. Song với sự cố gắng và quyết tâm cao của các thành viên trong Hội đồng TĐG, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, sắp xếp lại quy trình làm việc cho khoa học, nhà trường đã hoàn thành được công tác TĐG mà vẫn đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ năm học.

Qua triển khai công tác TĐG theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, nhà trường đã thấy được công tác quản lý, chỉ đạo và thực hiện các nhiệm vụ năm học của nhà trường trong thời gian qua cũng đã khá đầy đủ và toàn diện, tuân theo những nguyên tắc, quy định chung của công tác GD ở trường tiểu học. Song bên cạnh đó vẫn còn có một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, sửa chữa, cải tiến để đảm bảo đúng quy định và đạt hiệu quả cao.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. Tự đánh giá tiêu chí mức 1,2,3.

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Trường Tiểu học Nam Tiến có cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý đảm bảo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học. HT, phó HT và các tổ chức trong nhà trường thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, chức năng của mình. Nhà trường đã có chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu GD và nguồn lực thực tế. Đã nghiêm túc chấp hành các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chấp hành đúng sự quản lý hành chính của địa phương, của ngành; đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ, tích cực tham gia các phong trào thi đua; quản lý hiệu quả các hoạt động GD, công tác hành chính, tài chính, tài sản; quản lý tốt CB, GV và NV. Nhà trường cũng đã làm tốt công tác đảm bảo trật tự, an toàn cho CB, GV, NV. Cụ thể:

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong HĐT (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), CB quản lý, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Sau khi sáp nhập, nhà trường đã xây dựng được chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn đến 2030 với nội dung:

Tâm nhìn: Là một ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng, nơi CMHS, HS tin cậy. Một chiếc nôi rèn luyện đề GV và HS luôn có khát vọng vươn lên. HS sẽ trở thành những cá nhân có tư duy độc lập, tham gia tích cực vào học tập, biết giải quyết vấn đề, hướng tới năng lực tự học, năng lực sử dụng ngoại ngữ và sử dụng công nghệ cao.

Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường GD lành mạnh, thân thiện, tích cực, năng động, sáng tạo để mỗi HS phát triển tối đa khả năng của bản thân. Giáo dục HS có thói quen và kỹ năng đọc sách, có năng lực tự học, năng lực sáng tạo, có kỹ năng sống thích ứng với xã hội để mỗi HS đều có cơ hội phát triển và tự định hướng vươn lên trong tương lai.

Các mục tiêu chính:

- **Đội ngũ CB, GV, NV:** Đủ số lượng, đảm bảo chất lượng theo quy định của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Cụ thể: GV đạt tỷ lệ 1,5 GV/ lớp, có GV tổng phụ trách Đội chuyên trách; 100% có trình độ đào tạo trên chuẩn, quản lý nhà trường có trình độ đại học; CB quản lý, GV, NV được đánh giá loại Khá và Tốt đạt 100%; có GV giỏi cấp tỉnh.

- **HS:** Đảm bảo quy mô trường, lớp theo quy định của Điều lệ trường tiểu học, sĩ số bình quân mỗi lớp không quá 35 HS. Chất lượng học tập: HS lên lớp, HTCCTH đạt 99% trở lên; có HS năng khiếu tham gia thi, giao lưu, liên hoan,... cấp huyện, tỉnh, cấp quốc gia; HS được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp, ứng xử đúng mực, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động GD, có tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau.

- **CSVC:** Đảm bảo quy định về CSVC của trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2. [H1-1.1-01]

b) Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường đã được trường Phòng GD&ĐT huyện Nam Trực phê duyệt. [H1-1.1-01]

c) Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại Văn phòng nhà trường và đăng trên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ <http://thnamtien.pgdnamtruc.edu.vn>. [H1- 1.1-01]

Mức 2

HT đã thành lập Ban xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường và phân công nhiệm vụ trong việc giám sát thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường. Theo nhiệm vụ được phân công, các thành viên xây dựng chương trình hành động, cụ thể hóa các giải pháp thực hiện kế hoạch chiến lược trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ mỗi năm học. [H1- 1.1-02]

Mức 3

Việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được thực hiện qua các bước:

- Thành lập Ban xây dựng kế hoạch chiến lược gồm lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các đoàn thể, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán, đại diện CMHS. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban xây dựng kế hoạch chiến lược.

- Thu thập, phân tích dữ liệu.

- Dự thảo kế hoạch

- Lấy ý kiến đóng góp của CB, GV, NV, của địa phương, của CMHS để hoàn thiện kế hoạch.

- Xin phê duyệt của Phòng GD&ĐT Nam Trực.

Như vậy việc xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong HĐT, CB quản lý, GV, NV, CMHS và cộng đồng.

HĐT đã định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong các kỳ họp đầu và cuối mỗi năm học. [H1-1.1-03]

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với mục tiêu GD được quy định tại Điều 2, Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/5/2005 và định hướng phát triển kinh tế, xã hội của xã Nam Tiến, của huyện Nam Trực, của tỉnh Nam Định, phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT theo Nghị quyết 29-NQ/TW của Đảng. Nhà trường đã có những nguồn lực để xây dựng thương hiệu nhà trường, trở thành trường điển hình về chất lượng giáo dục toàn diện trong huyện, tỉnh.

Kế hoạch chiến lược của nhà trường được công khai theo đúng quy định và đã nhận những đóng góp tích cực của các tổ chức và cá nhân trong nhà trường.

Nhà trường đã làm tốt công tác định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, giúp việc thực hiện kế hoạch chiến lược đảm bảo đúng tiến độ và phù hợp với thực tế của trường, của địa phương.

3. Điểm yếu

Việc xây dựng và đóng góp ý kiến cho kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của CMHS và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Định kỳ rà soát, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược đầu mỗi năm học và cập nhật trong các cuộc họp CMHS, các Hội nghị GD của địa phương, Website của nhà trường, Hội nghị học nhiệm vụ năm học của nhà trường.	HT, PHT và HĐT	Hệ thống máy tính kết nối internet	Phiên họp HĐT cuối mỗi năm học	
Xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện kế hoạch chiến lược cho mỗi một năm học.	HT, HĐT		Đầu mỗi năm học	
Chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện các nội dung trong kế hoạch chiến lược.	HT	Phối hợp với CMHS, địa phương	Thường xuyên	300-500tr
Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CMHS và cộng đồng trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược.	HT, HĐT		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	

c	Đạt	-----		-----	
	Đạt		Đạt		Đạt

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) HĐT của nhà trường được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ-HĐT ngày 12 tháng 11 năm 2014 và được kiện toàn theo Quyết định số 01/2018/QĐ-PGDĐT ngày 04 tháng 01 năm 2018 của trường phòng GD&ĐT huyện Nam Trực với nhiệm kỳ 5 năm, từ 2014-2019. HĐT nhiệm kỳ 2020-2025 của nhà trường được thành lập theo Quyết định số 34/2020/QĐ-PGDĐT ngày 03 tháng 03 năm 2020 của trường phòng GD&ĐT huyện Nam Trực HĐT có 11 thành viên gồm HT, phó HT, Chủ tịch Công đoàn, TPT Đội, các tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và giáo viên cốt cán. Các thành viên của HĐT được tập thể CB, GV, NV tín nhiệm giới thiệu. HĐT đã bầu chức danh Chủ tịch là đồng chí Lê Thị Hạnh.[H1-1.2-01]

Hội đồng thi đua, khen thưởng của nhà trường được thành lập vào đầu mỗi năm học theo quyết định của HT. Hiện nay, Hội đồng thi đua, khen thưởng của nhà trường gồm 34 thành viên, HT là Chủ tịch Hội đồng thi đua, khen thưởng. Các thành viên của Hội đồng thi đua, khen thưởng gồm: Phó HT, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi Đoàn, TPT Đội, tổ trưởng tổ CM, tổ trưởng tổ VP và GV chủ nhiệm. [H1-1.2-02]

Tuỳ vào nhiệm vụ mỗi năm học, nhà trường có một số hội đồng tư vấn như: Hội đồng Khoa học chăm sóc kiến kinh nghiệm, Hội đồng chăm đồ dùng dạy học, Hội đồng xét công nhận HTCTTH, Hội đồng tư vấn tâm lý học sinh ... [H1-1.2-03]

b) HĐT họp định kỳ 03 lần/ năm để xem xét, phê chuẩn mục tiêu, nhiệm vụ, các chủ trương, kế hoạch, biện pháp, giải pháp của nhà trường thực hiện mỗi năm học và cả nhiệm kỳ; tổ chức giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐT, việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Các nghị quyết của HĐT được công khai rõ ràng và triển khai thực hiện nghiêm túc. [H1-1.2-01], [H1-1.1-03]

Hội đồng thi đua, khen thưởng của nhà trường có nhiệm vụ tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CB, GV, NV và HS của trường.[H1-1.2-02]

Các hội đồng tư vấn được thành lập kịp thời để giúp lãnh đạo nhà trường tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động GD và phong trào thi đua của trường. [H1-1.2-03]

c) HĐT, Hội đồng thi đua, khen thưởng có lịch sinh hoạt định kỳ, thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động của mình. Các hội đồng tư vấn trước khi giải tán đều có đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ. [H1-1.2-01], [H1-1.2-02] [H1-1.2 - 03]

Mức 2:

HĐT, Hội đồng thi đua, khen thưởng và các hội đồng tư vấn đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. HĐT đã xây dựng được kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế, đưa ra được những chỉ tiêu, giải pháp phù hợp, khả thi cho việc thực hiện nhiệm vụ mỗi năm học. Hội đồng thi đua, khen thưởng đã tạo được phong trào thi sôi nổi trong GV và HS. Công tác thi đua, khen thưởng công bằng, khách quan đã động viên được GV và HS cố gắng vươn lên. Hoạt động của HĐT và các hội đồng khác đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng GD của nhà trường. Những năm qua, nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mỗi năm học, chất lượng GD ở tốp đầu của huyện. [H1-1.2-04]

2. Điểm mạnh.

HĐT của nhà trường có cơ cấu và tổ chức hoạt động theo đúng quy định tại Điều 23 của Điều lệ trường tiểu học, Hội đồng thi đua, khen thưởng và các hội đồng tư vấn của nhà trường có cơ cấu và tổ chức hoạt động theo đúng quy định tại Điều 24 của Điều lệ trường tiểu học. HĐT, Hội đồng thi đua, khen thưởng và các hội đồng tư vấn hoạt động tích cực, đúng chức năng, nhiệm vụ đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng GD của nhà trường.

3. Điểm yếu.

Do biến động nhân sự nên HĐT phải kiện toàn lại, có thành viên mới chưa nắm vững nhiệm vụ, chức năng, chưa có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Kiểm toàn kịp thời các hội đồng khi có thay đổi nhân sự	HT	Tham mưu tích cực với PGD	Đầu năm học	
Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho những thành viên của các hội đồng về nhiệm vụ, quyền hạn, chức năng của mình, nhất là thành viên mới	PGD, Nhà trường, Công đoàn	Tài liệu	Hè các năm học	3 triệu đồng/năm
Duy trì tốt nề nếp hoạt động, đồng thời yêu cầu các thành viên tích cực học hỏi, đổi mới, sáng tạo để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của từng hội đồng.	HĐT, Hội đồng thi đua, khen thưởng	Đọc, nghiên cứu văn bản thường xuyên	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 1 Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng bộ xã Nam Tiến. Hiện tại Chi bộ có 31 đảng viên với Ban chi uỷ gồm 5 đồng chí: bí thư là đồng chí Lê Thị Hạnh, phó bí thư là đồng chí Vũ Thị Thanh Thủy, cấp uỷ gồm 3 đồng chí là đồng chí Trương Thị Bình, đồng chí Đỗ Thị Vân và đồng chí Đỗ Thị Thu Hương. [H1-1.3-01]

Tổ chức Công đoàn của nhà trường gồm 53 công đoàn viên. Ban chấp hành Công đoàn của nhà trường gồm 5 đồng chí: Chủ tịch là đồng chí Mai Hữu Phi, phó chủ tịch là đồng chí Nguyễn Thị Bắc, 3 uỷ viên ban chấp hành là đồng chí Đỗ Thị Vân, Nguyễn Thị Nhài và Trần Thị Hương. Công đoàn trường Tiểu học Nam Tiến trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Nam Trực.[H1-1.3-02]

Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của nhà trường gồm 23 đồng chí, bí thư là đồng chí Phan Văn Cảnh, phó bí thư là đồng chí Đỗ Thị Thu Hương, 3 đồng chí uỷ viên ban chấp hành Chi Đoàn là đồng chí Trần Thúy Quỳnh, đồng chí Lương Thị Chanh, đồng chí Nguyễn Thị Hiền. Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của nhà trường trực thuộc Đoàn xã Nam Tiến.[H1-1.3-03]

Nhà trường có một Liên Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh gồm 315 đội viên, được biên chế thành 10 Chi Đội. Liên Đội của nhà trường có một GV làm TPT kiêm nhiệm là đồng chí Phan Văn Cảnh. [H1-1.3-04]

Đề tập hợp HS từ 6-8 tuổi tham gia hoạt động, rèn luyện trong một tổ chức, hàng năm nhà trường thành lập các Sao Nhi đồng. Phụ trách các Sao Nhi đồng là những đội viên của Liên Đội trường Tiểu học Nam Tiến. Toàn trường có 578 nhi đồng, biên chế thành 18 chùm sao.[H1-1.3-04]

Thực hiện mô hình trường học mới VNEN, nhà trường còn thành lập Hội đồng tự quản gồm 50 thành viên, em Bùi Ngọc Ánh là Chủ tịch Hội đồng tự quản, Phó chủ tịch Hội đồng tự quản là em Nguyễn Thị Hương Giang. Hội đồng tự quản được biên chế thành 6 ban: đối ngoại, thư viện, học tập, văn nghệ, lao động, vệ sinh và đạo đức. Đây là tổ chức do HS trong trường bầu ra. Hội đồng tự quản của trường cũng do TPT Đội phụ trách.[H1-1.3-05]

Bên cạnh các tổ chức, đoàn thể nêu trên, nhà trường còn có một số tổ chức xã hội là Ban đại diện CMHS và Chi hội Khuyến học.

Hiện nay, Ban đại diện CMHS học sinh của trường gồm 28 thành viên là trưởng ban đại diện CMHS của các lớp. Ban đại diện CMHS của trường bầu ra 1 trưởng ban là ông Đỗ Mạnh Xạ, 8 ủy viên thường trực là ông Vũ Đình Quyết, ông Đỗ Mạnh Trường, ông Đỗ Văn Tiên, ông Tạ Văn Tùng, ông Vũ Quang Việt, ông Nguyễn Văn Cường, ông Đoàn Công Chức và ông Phạm Văn Thắng. [H1-1.3-06]

Chi hội Khuyến học của nhà trường trực thuộc Hội Khuyến học xã Nam Tiến, được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ-HKH ngày 01 tháng 9 năm 2017, gồm 35 thành viên. Chi hội gồm có 1 chi hội trưởng là bà Lê Thị Hạnh – HT nhà trường, 1 chi hội phó là ông Đỗ Mạnh Xạ - Trưởng ban đại diện CMHS và 33 thành viên là CB, GV, NV của trường. Chi hội Khuyến học của nhà trường đã phát triển thêm nhiều hội viên. Hiện nay, chi hội có 141 hội viên.[H1-1.3-07]

b) Chi bộ Đảng của nhà trường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện hoạt động của trường, cụ thể:

- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác chuyên môn của nhà trường theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước

- Lãnh đạo CB, đảng viên và quần chúng giám sát mọi hoạt động của nhà trường theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, phát huy quyền làm chủ của CB, đảng viên và quần chúng, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, trù dập, ức hiếp quần chúng và các hiện tượng tiêu cực khác.

- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Xây dựng đoàn kết nội bộ, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ tài sản của nhà trường.[H1-1.3-01]

Công đoàn của trường đã thực hiện các nhiệm vụ:

- Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vận động CB, GV, NV trong trường nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, pháp luật, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phối hợp với HT tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức Hội nghị CB, công chức. Cùng với HT chăm lo đời sống của CB, GV, NV, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, tham quan cho CB, GV, NV.

- Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, quyền lợi của CB, GV, NV.

- Tổ chức vận động CB, GV, NV của trường thi đua, thực hiện nghĩa vụ của CB, công chức, viên chức, người lao động, cải tiến lề lối làm việc nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. .[H1-1.3-02]

Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường phụ trách Liên Đội, tổ chức hoạt động tạo môi trường giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh thiếu nhi nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. .[H1-1.3-03],[H1-1.3-04]

Ban đại diện CMHS và Chi hội Khuyến học phối kết hợp với nhà trường thực hiện các hoạt động GD, động viên, khuyến khích học sinh học tập. .[H1-1.3-06], [H1-1.3-07]

c) Hàng năm, Chi bộ và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội của trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, định kỳ sơ kết, tổng kết hoạt động để rút kinh nghiệm, tìm biện pháp hoạt động hiệu quả hơn. .[H1-1.3-01].[H1-1.3-02].[H1-1.3-03].[H1-1.3-04].[H1-1.3-06].[H1-1.3-07]

Mức 2, Mức 3

a) Từ năm 2014 đến năm 2019 Chi bộ của nhà trường liên tục được công nhận hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ, được Đảng ủy xã Nam Tiến công nhận “ Chi bộ trong sạch, vững mạnh”. [H1-1.3-01]

b) Trong những năm qua, các tổ chức Công đoàn, Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường hoàn thành tốt mục tiêu GD, được cấp có thẩm quyền công nhận, tặng nhiều giấy khen, bằng khen. [H1-1.3-02].[H1-1.3-03].[H1-1.3-04]

Hội đồng tự quản phối hợp cùng với Ban chỉ huy Liên Đội đã tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, giúp học sinh học tập và rèn luyện kỹ năng sống, phát triển năng lực, phẩm chất. [H1-1.3-05]

Các tổ chức khác trong nhà trường cũng đã phối kết hợp chặt chẽ, hiệu quả, giúp nhà trường xây dựng tập thể đoàn kết, chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành, của địa phương, có CMNV vững vàng, nhiệt tình trong mọi công việc, được nhân dân tín nhiệm. CSVC của nhà trường ngày càng khang trang, HS ngoan, tích cực học tập, năng động và sáng tạo trong mọi hoạt động. [H1-1.3-06].[H1-1.3-07]

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có Chi bộ Đảng và các đoàn thể, các tổ chức theo quy định như: Công đoàn, Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh, Hội đồng tự quản, Ban đại diện CMHS và Chi hội Khuyến học. Chi bộ, các đoàn thể và tổ chức đều có cơ cấu theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ của từng tổ chức.

Chi bộ, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, được tặng nhiều giấy khen, bằng khen. Hoạt động tích cực, hiệu quả của Chi bộ, các đoàn thể, các tổ chức đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng GD của nhà trường.

3. Điểm yếu.

Hoạt động của Công đoàn chưa có nhiều đổi mới, sáng tạo.

Kinh phí hoạt động của Chi Đoàn, Liên Đội còn hạn chế nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức này.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Kiểm toàn kịp thời các đoàn thể, tổ chức theo đúng quy định.	Chi ủy, HT	Nghiên cứu văn bản quy định.	Đầu mỗi năm học	
Làm tốt công tác xây dựng kế hoạch hoạt động của các đoàn thể, tổ chức. Chi bộ lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện. Kế hoạch của các đoàn thể, tổ chức phải có sự thống nhất với kế hoạch của nhà trường.	Trưởng các đoàn thể, tổ chức	Nghiên cứu kỹ các văn bản	Đầu mỗi năm học	

Tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, CSVC để các đoàn thể, tổ chức phát huy tốt nhất hiệu quả hoạt động của mình.	HT		Trong các năm học	10 triệu đồng
Hướng dẫn các đoàn thể, tổ chức xây dựng kinh phí hoạt động bằng các nguồn lực hợp pháp. Kêu gọi tài trợ của các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và chủ động phân bổ ngân sách hợp lý cho mỗi đoàn thể, tổ chức.	HT		Trong các năm học	
Tổ chức tham quan, học hỏi kinh nghiệm tổ chức hoạt động của đoàn thể và các tổ chức ở đơn vị trong huyện, tỉnh.	Trưởng các đoàn thể, tổ chức	Liên hệ trước	Thời gian hè	20 - 30 triệu đồng.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định.
- Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.
- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.
- Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3 :

- Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.
- Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

- HT nhà trường là đồng chí Lê Thị Hạnh, được bổ nhiệm lần đầu vào tháng 9 năm 2004 tại trường tiểu học Nam Đồng, bổ nhiệm lại lần 1 vào tháng 5 năm 2010, bổ nhiệm lại lần 2 vào tháng 5 năm 2015, được điều động, luân chuyển từ trường tiểu học Nam Đồng về trường tiểu học Nam Tiến từ ngày 01.08.2017. Sau khi sáp nhập, được bổ

nhiệm làm hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Tiến từ 01.09.2019. Nhà trường có 02 phó HT là đồng chí Vũ Thị Thanh Thủy và đồng chí Trương Thị Bình. Đồng chí Vũ Thị Thanh Thủy được bổ nhiệm là phó HT trường tiểu học Nam Tiến lần đầu vào tháng 5.2006, được bổ nhiệm lại vào tháng 7.2011 và tháng 8.2016. Sau khi sáp nhập, đồng chí Vũ Thị Thanh Thủy được bổ nhiệm làm phó hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Tiến từ 01.09.2019. Đồng chí Trương Thị Bình được bổ nhiệm là phó HT trường tiểu học Nam Sơn lần đầu vào 01.09.2008, được bổ nhiệm lại vào 20.01.2014 và 15.03.2019. Sau khi sáp nhập, đồng chí Trương Thị Bình được bổ nhiệm làm phó hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Tiến từ 01.09.2019. [H1-1.4-01]

b) Vào đầu mỗi một năm học, HT nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ VP. Hiện nay, nhà trường có 5 tổ chuyên môn là tổ 1, tổ 2, tổ 3, tổ 4, tổ 5 và 1 tổ VP. Tổ 1 có 10 thành viên, tổ 2 có 8 thành viên, tổ 3 có 8 thành viên, tổ 4 có 8 thành viên và tổ 5 có 9 thành viên. Tổ VP của nhà trường gồm 8 thành viên gồm: 1 đồng chí kế toán, 2 đồng chí văn thư tổng hợp, 2 đồng chí y tế, 2 đồng chí làm công tác thư viện, thiết bị và 1 đồng chí làm thủ quỹ. Mỗi tổ chuyên môn đều có 1 tổ trưởng và 1 tổ phó, tổ VP có 1 tổ trưởng. [H1-1.4-02]

c) Mỗi một năm học, các tổ chuyên môn và tổ VP đều xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ. Kế hoạch hoạt động chung của tổ do tổ trưởng xây dựng trên cơ sở có sự thống nhất các nội dung với kế hoạch năm học của nhà trường. Các thành viên trong tổ có quyền và nghĩa vụ đóng góp ý kiến để xây dựng kế hoạch hoàn thiện. Kế hoạch hoạt động chung của tổ được xây dựng cho cả năm học nhưng đồng thời cũng có kế hoạch chi tiết cho từng tuần, từng tháng. Kế hoạch của tổ chuyên môn và tổ VP được HT duyệt vào đầu mỗi năm học. [H1-1.4-03]

Tổ chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ: bồi dưỡng CMNV cho GV, kiểm tra đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động GD của các thành viên trong tổ, tổ chức cho GV TĐG và nhận xét đánh giá các thành viên trong tổ theo Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học, giới thiệu tổ trưởng, tổ phó, bình bầu thi đua trong tổ và đề xuất khen thưởng cho những GV và HS có thành tích lên Hội đồng thi đua, khen thưởng nhà trường. Tổ VP thực hiện các nhiệm vụ: bồi dưỡng CMNV cho NV, kiểm tra đánh giá chất lượng hoạt động các thành viên trong tổ, tổ chức cho NV trong tổ đánh giá, xếp loại viên chức, giới thiệu tổ trưởng, tổ phó, bình bầu thi đua trong tổ và đề xuất khen thưởng cho NV có thành tích lên Hội đồng thi đua, khen thưởng nhà trường. [H1-1.4-03]

Mức 2:

a) Hàng năm, tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường hoặc tự đề xuất những chuyên đề chuyên môn phù hợp với tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch sinh hoạt cho tổ chuyên môn. Trong những năm qua, các tổ chuyên môn đã đề xuất và thực hiện hiệu quả nhiều chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục học sinh như chuyên đề "Kỹ thuật đánh giá thường xuyên"; "Dạy cho trẻ có khó khăn về nhận thức", "Dạy học theo định hướng phát triển năng lực", "Tổ chức cho học sinh trải nghiệm tại vườn trường" "Định hướng dạy học STEM",...[H1-1.4.03], [H1-1.4.04]

b) Trên cơ sở kế hoạch năm, tháng, tuần đã được HT phê duyệt, tổ chuyên môn và tổ VP tổ chức thực hiện các hoạt động cho tổ của mình. Các tổ chuyên môn và tổ VP sinh hoạt định kỳ 2tuần/ lần vào sáng thứ bảy và sinh hoạt đột xuất khi có nhu cầu.

Tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho các thành viên trong tổ tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn. Nội dung của các buổi sinh hoạt chuyên môn tập trung vào các vấn đề: đánh giá thực hiện nhiệm vụ của tổ, thống nhất nội dung chương trình giảng

dạy của tuần tiếp theo; nghiên cứu bài giảng khó để thống nhất phương pháp, mô hình giảng dạy; chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học; dự giờ thao giảng, hội giảng; thảo luận một số chuyên đề mới trong năm học; nghe báo cáo sáng kiến, kinh nghiệm...

Tổ VP đã thường xuyên kiểm tra đánh giá chất lượng các nhiệm vụ được giao của các thành viên trong tổ. Trước mỗi buổi sinh hoạt, tổ trưởng thu thập phản ánh từ các tổ chuyên môn, xác định các nhiệm vụ cụ thể trong thời gian tới để xây dựng nội dung sinh hoạt của tổ. Nội dung sinh hoạt của tổ VP có nội dung đánh giá hiệu quả công việc của từng thành viên và triển khai nội dung công việc trong thời gian tới. Mỗi kỳ, tổ VP họp rà soát các biện pháp thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở kết quả đạt được, đề ra các biện pháp cải tiến nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao. [H1-1.4.03], [H1-1.4.04]

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng về CMNV cho GV qua các hoạt động: tham gia hội giảng, hội học; tổ chức hội thảo chuyên đề theo yêu cầu của nhà trường; tổ chức viết sáng kiến, tổng kết kinh nghiệm; xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; dự giờ đồng nghiệp, tự học trong tài liệu. Tổ chuyên môn của nhà trường cũng đã thực hiện công tác kiểm tra đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động GD của các thành viên trong tổ qua các hoạt động: thường xuyên dự giờ, thăm lớp, theo dõi và tổ chức rút kinh nghiệm với GV trong tổ về việc thực hiện nội dung chương trình các môn học, việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học, việc thực hiện nề nếp, quy định của nhà trường; tổng hợp kết quả kiểm tra chất lượng của các lớp trong tổ, phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm tìm biện pháp để thúc đẩy GV nâng cao chất lượng giảng dạy, xây dựng kế hoạch phụ đạo cho HS.

Việc bồi dưỡng về CMNV cho các thành viên của tổ VP được làm thường xuyên. Do phải kiêm nhiệm một số công tác nên tổ VP phải thường xuyên tự học. Ngoài ra, tổ VP còn chủ động đề nghị nhà trường cho học tập, bồi dưỡng nâng cao. Trong thời gian qua, tổ VP đã tổ chức cho NV của tổ mình tham dự tập huấn tin học, sử dụng phần mềm kế toán, sử dụng phần mềm quản lý phổ cập, phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu trường học, phần mềm giao dịch điện tử, quản lý website, dinh dưỡng học đường,, cử 2 đồng chí nhân viên y tế học lớp trung cấp y sĩ để đáp ứng nhiệm vụ.

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ VP nêu trên đã có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. [H1-1.4-04]

b) Tổ chuyên môn của nhà trường luôn tích cực học hỏi, sáng tạo, chuẩn bị chu đáo các điều kiện để thực hiện hiệu quả các chuyên đề môn trong các năm học, được Phòng GD&ĐT Nam Trực lấy làm nhân tố điển hình để lan tỏa đến các đơn vị trong huyện. Có nhiều buổi sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn, cấp huyện đặt tại nhà trường do cốt cán chuyên môn của trường thực hiện. GV trong các tổ chuyên môn đều có CMNV vững vàng, chất lượng giảng dạy, GD toàn diện luôn ở tốp dẫn đầu của huyện. [H1-1.4.04]

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có đủ HT, phó HT theo quy định tại Điều 20, Điều 21 của Điều lệ trường tiểu học. Cơ cấu tổ chuyên môn, tổ VP của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 18, Điều 19 của Điều lệ trường tiểu học.

Hàng năm, tổ chuyên môn và tổ VP đều xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của mình theo kế hoạch đã xây dựng.

Tổ chuyên môn của nhà trường đã đề xuất và thực hiện hiệu quả nhiều chuyên đề chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng GD.

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ VP được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh

để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ VP đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu.

Mặc dù có cơ cấu đúng, số lượng thừa theo quy định nhưng nhân viên trong tổ VP chưa có đủ trình độ, năng lực để đáp ứng tốt 8 vị trí việc làm của tổ VP, nhất là công tác thư viện, thiết bị, công tác văn thư lưu trữ dẫn đến hiệu quả một số công việc chưa cao.

Tổ VP còn có 5/8 nhân viên là lao động hợp đồng nên chưa thật yên tâm công tác. Chuyên môn đào tạo chưa phù hợp với nhiệm vụ được giao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mức thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Kiên toàn kịp thời các tổ chuyên môn, tổ VP theo quy định. Tổ VP cần tinh giản số lượng, nâng cao năng lực để đạt hiệu quả cao hơn.	HT	Theo quy định	Tháng 8 hàng năm	
Bồi dưỡng cho tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ VP về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhằm giúp các tổ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học, hiệu quả	HT, Phó HT		Đầu mỗi năm học	1 triệu đồng
Duy trì tốt nề nếp sinh hoạt và các hoạt động hiệu quả của các tổ. Tăng cường công tác bồi dưỡng giáo viên về tin học, ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu mới của GD	Tổ trưởng		Hàng tuần	
Thường xuyên bồi dưỡng CMNV cho nhân viên tổ VP để đáp ứng tốt công việc được giao. Chú trọng công tác văn thư, thư viện và thiết bị.	HT	Tự học thường xuyên	Năm học 2019 - 2020	5 triệu
Quan tâm chế độ, chính sách cho nhân viên hợp đồng để họ yên tâm công tác.	HT			50 triệu/năm

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	B	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3**Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học.****Mức 1:**

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
 b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
 c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 lớp.
 b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
 c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Nhà trường có đủ 5 khối lớp từ khối 1 đến khối 5. Từ khối 1 đến khối 3 mỗi khối có 6 lớp, khối 4 và khối 5 mỗi khối có 5 lớp, toàn trường có 28 lớp. [H1-1.5-01]

b) Mỗi lớp học được chia thành các nhóm học tập và biên chế một Hội đồng tự quản gồm có 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch và các ban (văn nghệ, thể dục thể thao, vệ sinh – sức khỏe, học tập, thư viện, đối ngoại, đạo đức). Tất cả các lớp của nhà trường đều được dạy hai buổi/ngày. Mỗi lớp có 1 GV làm công tác chủ nhiệm và giảng dạy các môn: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Kỹ thuật (Thủ công), Khoa học, Lịch sử và Địa lý. Các môn Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh và Tin học do giáo viên bộ môn chuyên giảng dạy. [H1-1.5-02]

c) Hội đồng tự quản do tập thể HS trong lớp tín nhiệm bầu ra. Hội đồng tự quản của lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Mỗi học kỳ, Hội đồng tự quản lại được bầu chọn lại để giúp hoạt động tự quản của lớp ngày càng tốt hơn. [H1-1.5-02]

Mức 2:

a) [H1-1.5-01]

Số lớp học	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020
Khối lớp 1	4	4	4	4	4	6
Khối lớp 2	4	4	4	4	4	6
Khối lớp 3	5	4	4	4	4	6
Khối lớp 4	3	5	4	4	4	5
Khối lớp 5	4	3	5	4	4	5
Cộng	20	20	21	20	20	28

b)[H1-1.5-01]

Số liệu	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020
Tổng số học sinh	593	591	610	599	627	893
- Khối lớp 1	121	126	116	127	145	190
- Khối lớp 2	121	114	121	115	128	207
- Khối lớp 3	144	121	114	123	120	181
- Khối lớp 4	89	139	120	115	118	155
- Khối lớp 5	118	91	139	119	116	160

Bình quân số học sinh/lớp học	31	30	29	30	31,5	32
-------------------------------	----	----	----	----	------	----

c) Việc biên chế lớp học thành các nhóm học tập giúp nhà trường triển khai những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực thuận lợi, hiệu quả. Đồng thời, giúp xây dựng và hình thành cho các em những kỹ năng cần thiết như kỹ năng tự học, hợp tác, giao tiếp, ứng xử mạnh dạn, tự tin,... Việc tổ chức hoạt động của Hội đồng tự quản ở lớp học rất phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay.[H1-1.5-03]

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5, toàn trường không quá 30 lớp, mỗi lớp học không quá 35 HS. Mỗi lớp học có 1 GV làm công tác chủ nhiệm và giảng dạy một số môn học, có đủ GV chuyên dạy các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục, Tin học và Tiếng Anh.

Cơ cấu tổ chức mỗi lớp học của nhà trường được thực hiện theo mô hình trường học mới ở Việt Nam đã giúp triển khai những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực thuận lợi, hiệu quả. Hội đồng tự quản của các lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, HS được phát huy quyền dân chủ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu.

Tuy sĩ số bình quân toàn trường không vượt quá quy định nhưng một vài độ tuổi dân số có đột biến nên vẫn còn có lớp sĩ số vượt 1-2 HS theo quy định.

Ở khối 1, và 2, hoạt động của Hội đồng tự quản lớp học còn có hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Điều tra chính xác, theo dõi sát sao diễn biến dân số độ tuổi từ 0-5, xây dựng quy mô phát triển nhà trường trong 5 năm.	HT, GV, NV	Nám vững nghiệp vụ điều tra	Trước tháng 8 hàng năm	5 triệu đồng/ năm học
Tích cực, chủ động tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, CMHS và các cơ quan chuyên môn cấp trên để làm tốt công tác tuyển sinh, công tác xây dựng các điều kiện thực hiện nhiệm vụ mỗi một năm học.	HT		Cuối mỗi năm học	
Duy trì cơ cấu tổ chức lớp học hiện nay, chú trọng tập huấn cho GV, Hội đồng tự quản các lớp về nội dung, phương pháp thực hiện để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Hội đồng tự quản, đặc biệt là Hội đồng tự quản lớp 1,2.	PHT, GVCN	Tổ chức hội thảo, tổng kết kinh nghiệm	Đầu mỗi năm học	
Nghiêm túc thực hiện nguyên tắc xây dựng Hội đồng tự quản	GVCN		Đầu mỗi năm học	

nhằm phát huy dân chủ, tính tự lập, tự chủ, khả năng sáng tạo của HS				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3 (nếu có):

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

a) Nhà trường có các loại hồ sơ: sổ đăng bộ; sổ phổ cập GD tiểu học; sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá HS; hồ sơ GD trẻ khuyết tật; học bạ; kế hoạch năm học; sổ ghi biên bản các cuộc họp; hồ sơ quản lý CB, GV, NV; sổ khen thưởng; sổ quản lý tài sản, tài chính; sổ quản lý công văn đi, đến. Các loại hồ sơ chuyên môn của nhà trường được lưu trữ từ 5 năm trở lên, hồ sơ tài chính lưu trữ 10 năm trở lên. Công tác lưu trữ hồ sơ được giao cho NV tổ VP và được lưu trữ tại phòng hồ sơ của nhà trường. Hồ sơ lưu trữ được phân theo loại và theo trình tự thời gian. [H1-1.6-01]

b) Tháng 12 hàng năm, nhà trường tiến hành lập dự toán theo hướng dẫn của Phòng Tài chính-Kế hoạch, Phòng GD&ĐT huyện Nam Trực. Sau khi có quyết định giao dự toán ngân sách Nhà nước, nhà trường tiến hành xây dựng và thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ. Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định tài chính hiện hành trong Hội nghị Công chức, viên chức và người lao động hàng năm. Việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được Kho bạc Nhà nước huyện Nam Trực giám sát thường xuyên và Hội đồng trường giám sát định kỳ.

Bộ phận tài vụ của nhà trường theo dõi thực hiện thu, chi, lập báo cáo quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản định kỳ đầy đủ, kịp thời theo quy định của các cơ quan chuyên môn.

Hàng năm, HT nhà trường thực hiện công khai tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư 61/2017 TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính và Thông tư 36/2017/TT- BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, cuối mỗi một năm học, HT mời Ban thanh tra nhân dân của nhà trường giúp HT tự kiểm tra công tác thu, chi tài chính.[H1-1.6-02]

c) Nhà trường nghiêm túc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng và thông qua. Nhà trường cũng đã được giao quyền sử dụng đất, khuôn viên được quy hoạch hợp lý. Nhà trường xây dựng nội quy hoạt động, có quy định cụ thể về việc sử dụng các phòng học chức năng, thư viện, sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học; có sổ theo dõi tài sản, tài chính, có sổ theo dõi mượn trả thiết bị... nhằm giúp cho việc quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả các điều kiện CSVC, tài chính, đất đai. [H1-1.6-03]

Mức 2:

a) Nhà trường đã sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch điện tử để quản lý tài chính, tài sản; sử dụng phần mềm phổ cập, phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu để quản lý GV, HS, quản lý các hoạt động GD, phần mềm bữa ăn học đường để quản lý công tác bán trú. Nhà trường đã xây dựng được cổng thông tin điện tử và hòm thư nội bộ để giúp CB, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng thực hiện và phối kết hợp tốt trong công tác GD HS.[H1-1.6-04]

b) Nhà trường được Phòng GD&ĐT, Phòng Tài chính, kế hoạch huyện Nam Trực kiểm tra tài chính, tài sản, được Hội đồng nhân dân xã giám sát định kỳ hàng năm. Tháng 10/2018, nhà trường đón thanh tra chuyên ngành của Sở GD&ĐT; tháng 2/2019, nhà trường đón thanh tra Nhà nước huyện Nam Trực. Theo kết luận của các đoàn, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6.05].

Mức 3:

Cuối mỗi năm học, nhà trường tiến hành rà soát các điều kiện CSVC, xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa, cải tạo, dự toán kinh phí thực hiện. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực để thực hiện nội dung công việc đã đề ra. Đồng thời, căn cứ vào Kế hoạch chiến lược đã được phê duyệt, tích cực tham mưu với cấp có thẩm quyền, lập kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương. [H1-1.6-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ các hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ trường tiểu học. Hồ sơ được lưu trữ tương đối khoa học, được bảo quản tốt.

Nhà trường đã rất tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hành chính, tài chính, tài sản nên công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản được thực hiện thuận lợi, hiệu quả.

Nhà trường đã quản lý, sử dụng tài chính, tài sản theo đúng quy định của Nhà nước, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên. Mặc dù kinh phí còn hạn chế song nhờ quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, không lãng phí nên nguồn kinh phí của nhà trường đã phục vụ tốt cho các hoạt động GD của trường.

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch trung hạn, dài hạn trong việc huy động nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường. Đồng thời, hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch huy động ngắn hạn các nguồn tài chính hợp pháp để hoàn thành tốt nhiệm vụ mỗi năm học.

3. Điểm yếu.

NV văn phòng chưa được đào tạo chính quy về công tác văn thư lưu trữ, công tác thư viện, thiết bị nên việc quản lý công văn, hồ sơ lưu trữ và quản lý tài liệu thư viện còn có hạn chế.

Có quá nhiều phần mềm khác nhau quản lý hành chính, tài chính, tài sản, nhà trường lại không có nhân viên chuyên trách công tác công nghệ, thông tin, NV trong tổ VP phải vừa học vừa làm để đáp ứng nhiệm vụ được giao nên công việc hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Phân công rõ ràng từng vị trí việc làm trong tổ VP. Động viên, thúc đẩy nhân viên tự học, tự bồi dưỡng để đáp ứng được nhiệm vụ được giao.	HT		Tháng 8 hàng năm	
Tổ chức luân phiên cho nhân viên tổ VP học tập nâng cao trình độ.	HT	Có lớp mở tại địa phương	Trong các năm học	10 triệu đồng/năm
Hiệu trưởng cần duy trì công tác tự kiểm tra hàng năm để rút kinh nghiệm làm tốt hơn nữa công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản của trường.	HT, Ban thanh tra nhân dân	Nắm được nghiệp vụ kiểm tra tài chính	Tháng 6 hàng năm	
Kết hợp chặt chẽ với CMHS, các tổ chức đoàn thể ở địa phương trong việc huy động kinh phí tài trợ của các doanh nghiệp trên địa bàn, của con em thành đạt của quê hương cho sự nghiệp GD	HT		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt		
c	Đạt	-----			
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CMNV cho đội ngũ CB, GV và NV. Việc bồi dưỡng được thực hiện thông qua các nội dung:

- Tổ chức cho GV, NV tham gia tích cực và hiệu quả vào các đợt tập huấn CMNV do cấp trên tổ chức. Tổ chức tập huấn, hội thảo cho GV, NV của trường những vấn đề mới về CMNV trong năm học.

- Hướng dẫn GV, CB quản lý lựa chọn các modul phù hợp trong các modul quy định của Bộ GD&ĐT để xây dựng kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng thường xuyên trong năm học.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn định kỳ tổ chức SHCM theo hướng nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên đề để các buổi SHCM thực sự có tác dụng bồi dưỡng CMNV cho đội ngũ GV.

- Tổ chức và tham dự SHCM miền, SHCM liên trường.

- Hàng năm, tổ chức thi GV giỏi, GV chủ nhiệm giỏi, dự giờ thăm lớp để GV học hỏi lẫn nhau.

- Tổ chức viết sáng kiến, tổng kết kinh nghiệm để chia sẻ với nhau cùng áp dụng.

- Chọn cử GV, NV học tập nâng cao trình độ đào, bồi dưỡng các chuyên đề về CMNV. Hiện tại, nhà trường có 6 đồng chí mới tốt nghiệp các lớp nâng cao trình độ đào tạo lên đại học, cao đẳng, 1 giáo viên Tiếng Anh được bồi dưỡng theo chương trình chuẩn về Tiếng Anh đạt C1, 3 giáo viên được bồi dưỡng về tư vấn tâm lý, Còn 2 đồng chí đang tiếp tục theo học nâng cao trình độ đào tạo lên đại học. [H1-1.7-01]

b) Mỗi một năm học nhà trường đều có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên. Cụ thể: đồng chí HT chỉ đạo chung toàn bộ các hoạt động trong trường, đồng thời xây dựng kế hoạch chỉ đạo cụ thể công tác kiểm tra nội bộ; công tác bồi dưỡng CMNV; công tác thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua; công tác xây dựng CSVC trường học và công tác xã hội hoá GD. Đồng chí phó HT xây dựng kế hoạch chuyên môn, kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khóa. Ngoài công tác chuyên môn chính của mình, mỗi GV, NV còn đảm nhiệm một hoặc nhiều công tác khác như: công tác đoàn thể, công tác phong trào. Nhà trường đã phân công CMNV cho giáo viên, nhân viên phù hợp năng lực, sở trường, phù hợp với tình hình thực tế. Mọi thành viên của nhà trường làm việc theo đúng sự phân công, đúng chuyên môn nên hiệu quả công việc cao. [H1-1.7-02]

c) Nhà trường đã tạo mọi điều kiện để GV được học tập nâng cao trình độ CMNV. Cụ thể: được hỗ trợ học phí; giảng dạy thay hưởng nguyên lương, phụ cấp; mở lớp bồi dưỡng tại trường để 100% GV có điều kiện học tập... Hỗ trợ để GV có đủ các điều kiện cần thiết thực hiện nhiệm vụ GD, giảng dạy như: được cung cấp đầy đủ đồ dùng, thiết bị dạy học cần thiết; được cung cấp tài liệu chuyên môn, tài liệu tham khảo phong phú; được hỗ trợ kinh phí khi tự làm đồ dùng dạy học; nâng cấp các phòng học, phòng chức năng để đảm bảo có nơi làm việc an toàn, sạch sẽ, thoáng mát; được sử dụng máy tính của trường để soạn bài.... NV kế toán, văn thư, y tế và bảo vệ có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng chuyên ngành để làm việc. Nhà trường luôn chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ Nhà

nước quy định cho CB, GV, NV; luôn động viên bằng tinh thần, vật chất trong những ngày lễ, ngày tết như ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày Tết Nguyên đán, ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày Quốc tế Lao động... Đặc biệt, những GV, NV có hoàn cảnh gia đình khó khăn, điều kiện sức khoẻ hạn chế, con nhỏ đều được quan tâm bằng những việc làm thiết thực cho từng đồng chí. Tất cả GV, NV trong nhà trường đều được phát huy quyền dân chủ, được tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự mọi lúc, mọi nơi.[H1-1.7-03]

Mức 2:

Ngoài việc phân công chuyên môn, phân công nhiệm vụ đúng năng lực, sở trường, ngay từ đầu năm học, HT đã tiến hành xây dựng và thông qua tập thể các tiêu chí thi đua của CB, GV và NV. Các tiêu chí thi đua của CB, GV và NV có tác dụng thúc đẩy CB, GV và NV thực hiện tốt quy chế chuyên môn, kỷ luật lao động, nâng cao hiệu quả, chất lượng giảng dạy và công tác. Việc đánh giá thực hiện các tiêu chí thi đua của GV được tiến hành theo học kỳ và được làm rất công bằng, khách quan. Bên cạnh đó, CB quản lý nhà trường bằng sự gương mẫu, lòng nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm của mình đã truyền cảm hứng cho GV, NV; tạo môi trường phát huy tính sáng tạo, lòng nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm của từng thành viên trong nhà trường bằng các hoạt động như tham gia các cuộc giao lưu, liên hoan, thăm quan, dã ngoại, trải nghiệm ở trong và ngoài tỉnh; luôn động viên, khuyến khích CB, GV, NV tìm tòi các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng công tác; luôn lắng nghe, trân trọng từng ý kiến đóng góp của GV, NV.[H1-1.7-04]

2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã có kế hoạch bồi dưỡng CMNV cho CB, GV, NV hàng năm. Kế hoạch được xây dựng với các hình thức, nội dung đa dạng, phong phú, phù hợp và đáp ứng được yêu cầu năm học. Việc thực hiện kế hoạch được làm nghiêm túc, đa số CB, GV, NV của trường đều tích cực học tập, bồi dưỡng CMNV.

Nhà trường đã phân công, sử dụng CB quản lý, GV, NV rõ ràng, hợp lý; có các biện pháp hiệu quả phát huy năng lực của CB quản lý, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng GD của nhà trường.

CB quản lý, GV và NV được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi theo quy định.

3. Điểm yếu.

Để đáp ứng được yêu cầu mới của GD hiện nay, CB, GV, NV trong nhà trường phải được bồi dưỡng nhiều nội dung như: Tin học, Ngoại ngữ, dạy học STEM, dạy trẻ tự kỷ, tổ chức hoạt động câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm, song nguồn kinh phí còn rất hạn chế nên chưa bồi dưỡng được đồng bộ và kịp thời.

Một số GV, NV khả năng tự học hạn chế, lại chưa dành nhiều thời gian cho việc tự học, tự bồi dưỡng nên hiệu quả tự học, tự bồi dưỡng chưa cao.

Thu nhập của nhân viên hợp đồng quá thấp, nhà trường không có nguồn để chi trả thêm nên họ chưa yên tâm công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Duy trì tốt công tác bồi dưỡng CB, GV, NV hàng năm bằng việc đầu tư, nghiên cứu xây	HT	Ứng dụng công nghệ thông tin	Thường xuyên trong mỗi năm học	10 triệu/năm

dựng kế hoạch bồi dưỡng khoa học, hiệu quả.				
Phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng thành viên, phân cấp quản lý, định rõ quyền lợi và trách nhiệm của mỗi cá nhân để tạo sự chủ động, phát huy năng lực của bản thân.	BGH	Nắm chắc năng lực sở trường của GV, NV	Tháng 8 hàng năm	
Đảm bảo đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho CB, GV, NV. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tăng thu nhập cho CB, GV, NV. Tham mưu với địa phương, CMHS, Hội khuyến học giúp đỡ, động viên CB, GV, NV hoàn thành nhiệm vụ.	HT, tổ VP		Thường xuyên	
Tăng cường bồi dưỡng tại chỗ, phát huy nội lực, người biết dạy người chưa biết. Bố trí thời gian, kinh phí để GV tiếng Anh, tin học bồi dưỡng cho toàn bộ CB, GV, NV của trường.	HT	Năng lực của GV ngoại ngữ và tin học	Thường xuyên trong năm học	20-30 triệu đồng/năm
Tích cực tham mưu với cấp trên nâng cao tiền công hợp đồng cho NV tổ VP.	HT		Tháng 12 hàng năm, trước khi cấp dự toán	50 triệu đồng/năm

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

a) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, căn cứ vào công tác mình phụ trách, HT, phó HT tiến hành xây dựng kế hoạch. Đồng chí HT chỉ đạo chung toàn bộ các hoạt động trong trường xây dựng kế hoạch GD, đồng chí phó HT xây dựng kế hoạch chuyên môn. Kế hoạch GD của nhà trường đảm bảo dạy đủ các môn học bắt buộc theo quy định của Bộ GD&ĐT, dạy 2 môn học tự chọn là tiếng Anh cho HS từ lớp 1 đến lớp 5 và dạy tin học cho HS từ lớp 3 đến lớp 5. Có kế hoạch cụ thể về chương trình, thời lượng các môn học và các hoạt động GD. Kế hoạch GD cũng nêu rõ yêu cầu cụ thể đến từng GV về dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng; về đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới cách đánh giá HS; dạy học tích hợp,...[H1-1.8-01]

b) Căn cứ vào kế hoạch GD của nhà trường, phó HT, tổ trưởng chuyên môn, GV đều phải xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn cho trường, tổ và cá nhân. Kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ, cá nhân rõ công việc cho từng kì, từng tháng, từng tuần. Mỗi lớp, mỗi giáo viên có thời khóa biểu riêng. GV căn cứ vào thời khóa biểu xây dựng đăng kí giảng dạy. Nhà trường đã có nhiều biện pháp, hình thức theo dõi, quản lý việc thực hiện kế hoạch GD. Cụ thể:

- Hàng tuần, phó HT, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn theo phân cấp có nhiệm vụ duyệt giáo án và đăng ký giảng dạy của tất cả GV. Việc kiểm tra và duyệt giáo án, đăng ký giảng dạy được làm nghiêm túc, có đánh giá và yêu cầu bổ sung kịp thời để đảm bảo GV lên lớp theo đúng nội dung chương trình quy định, thời khóa biểu và chất lượng giáo án tốt.

- Tổ chức kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.

- Tăng cường dự giờ, kiểm tra đột xuất.

Các biện pháp và hình thức nêu trên đã giúp cho HT quản lý chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch GD nên kế hoạch GD của nhà trường được thực hiện đầy đủ, không cắt xén. [H1-1.8-02]

c) Nhà trường tổ chức họp giao ban tuần đều đặn vào giờ ra chơi của ngày thứ hai. Mỗi tháng, HT tổ chức họp toàn bộ CB, GV, NV trong trường 1 buổi (thường vào sáng thứ bảy) để tiến hành đánh giá, nhận xét nội dung và chất lượng công tác của tháng trước và triển khai nội dung công tác tháng tới. Trong các phiên họp giao ban tuần, tháng, nhà trường tiến hành đánh giá, rà soát và điều chỉnh kịp thời việc thực hiện kế hoạch GD.[H1-1.6-01]

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động GD đã giúp nhà trường đạt được kết quả GD cao. Chất lượng dạy học các môn học, chất lượng bồi dưỡng HS năng khiếu luôn ở tốp đầu của huyện. Đặc biệt việc tổ chức các hoạt động GD ngoài giờ chính khóa - môi trường để xây dựng và phát huy các năng lực và phẩm chất HS của nhà trường đã được các cấp quản lý đánh giá rất hiệu quả, được nhiều đơn vị trong huyện, tỉnh, quốc gia học tập. [H1-1.8-03]

2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch GD theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương; tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng nội dung kế hoạch GD đã xây dựng.

Kế hoạch GD của nhà trường luôn được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động GD, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu.

Do một số yếu tố khách quan, kế hoạch GD phải điều chỉnh nhiều dẫn đến một số hoạt động chưa được thực hiện đúng tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Chú trọng xây dựng kế hoạch GD hàng năm, đảm bảo kế hoạch đúng quy định, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục, phù hợp với điều kiện nhà trường và địa phương.	HT	Nghiên cứu tài liệu tham khảo	Đầu tháng 8 hàng năm	
Duy trì các biện pháp nhằm giúp thực hiện đầy đủ, đúng, hiệu quả kế hoạch GD đã xây dựng.	HT		Trong các năm học	
Chuẩn bị tốt mọi điều kiện, phối kết hợp tốt với các lực lượng GD trong thực hiện kế hoạch GD	HT, GV		Thường xuyên trong năm học	

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đều tổ chức cho CB, GV, NV tham gia đóng góp ý kiến vào các nội dung sau:

- Chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của nhà trường.

- Kế hoạch năm học

- Tổ chức phong trào thi đua

- Báo cáo sơ kết, tổng kết
- Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiến hà, sách nhiễu nhân dân.

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bầu cử, bổ nhiệm CB, GV, NV.
- Thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của CB, GV, NV.
- Các nội quy, quy chế: nội quy trường học, quy chế làm việc, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về chế độ thông tin báo cáo, nội quy sử dụng các phòng học chức năng, nhà đa năng, sân bóng đá, bóng rổ, thư viện xanh,...[H1-1.9.01]

b) Trong nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Những ý kiến kiến nghị, những phản ánh của CMHS, của CB, GV, NV đều được giải quyết kịp thời, đúng quy định. [H1-1.9-02]

c) Hàng năm, nhà trường đều xây dựng và thông qua Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, Quy chế làm việc của cơ quan với toàn bộ CB, GV, NV, CMHS và HS. Giao cho Ban chấp hành Công đoàn theo dõi, giám sát thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Tổ chức báo cáo đánh giá, nhận xét việc thực hiện quy chế cuối mỗi năm học tại Hội nghị Công chức, viên chức. Nhìn chung các cá nhân, tổ chức, đoàn thể đều nắm và thực hiện đúng các quy định trong Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường. [H1-1.9-03]

Mức 2:

Nhà trường đã có quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể, với CMHS, với CB, GV, NV. Cụ thể:

Người đứng đầu các đoàn thể, các tổ chức trong đơn vị là người đại diện cho đoàn thể, tổ chức đó có trách nhiệm:

- Phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức, thực hiện Quy chế dân chủ.
- Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các đoàn thể, các tổ chức, dân chủ bàn bạc các chủ trương, biện pháp thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

- Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm thực hiện theo Điều 28, 29, 30, 31, 32 và 33 của Nghị Định 159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, có trách nhiệm lắng nghe ý kiến của quần chúng, phát hiện những vi phạm quy chế dân chủ trong đơn vị đề đề nghị HT giải quyết. Hiệu trưởng không giải quyết được thì báo cáo lên cấp có thẩm quyền trong ngành theo phân cấp quản lý đề xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

Cha mẹ, người giám hộ và Ban đại diện CMHS trong trường có trách nhiệm tổ chức thu thập ý kiến đóng góp của các CMHS để cùng nhà trường giải quyết các vấn đề:

- Nội dung công việc có liên quan đến sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình để giải quyết những việc có liên quan đến HS.

- Vận động CMHS thực hiện các chủ trương, chính sách, chế độ mà HS được hưởng hoặc nghĩa vụ phải đóng góp theo quy định.

- Vận động CMHS thực hiện các hoạt động xã hội hóa GD ở địa phương.

- Cha mẹ hoặc người giám hộ của HS có thể phản ánh, trao đổi, góp ý kiến trực tiếp với nhà trường, với GV hoặc thông qua Ban đại diện CMHS về những vấn đề liên quan đến công tác GD trong nhà trường.

CB, GV, NV, giám sát, kiểm tra:

- Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác hàng năm của nhà trường.

- Sử dụng kinh phí hoạt động, chấp hành chính sách, chế độ quản lý và sử dụng tài sản của nhà trường.

- Thực hiện các nội quy, quy chế của nhà trường.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường.

Nhà trường đã tổ chức đề CB, GV, NV giám sát, kiểm tra thông qua ba hình thức giám sát, kiểm tra:

- Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.
- Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ.
- Thông qua Hội nghị Công chức, viên chức. [H1-1.9-01]; [H1-1.3-02], [H1-1.9-02]; [H1-1.8-03]

2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã xây dựng và lấy ý kiến thông qua của CB, GV, NV về kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Chính vì vậy, các thành viên trong nhà trường và CMHS đã tự giác, nghiêm túc thực hiện các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế đã xây dựng.

Nhà trường không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo. Những kiến nghị, phản ánh luôn được giải quyết kịp thời, đúng quy định.

Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ trong Hội nghị Công chức,viên chức của trường.

Nhà trường đã có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu.

Còn một số GV, NV ngại va chạm, chưa tích cực, chưa mạnh dạn trao đổi, đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường, cho bạn bè, đồng nghiệp.

Vẫn còn có hiện tượng GV, NV chưa nắm chắc quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình nên khi giải quyết các phản ánh, kiến nghị của CMHS còn lúng túng, thụ động, trông chờ vào nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Duy trì tốt việc lấy ý kiến đóng góp của CB, GV, NV, HS, CMHS trong việc xây dựng và thông qua các kế hoạch, nội quy, quy chế, quy định của nhà trường.	HT, trưởng các đoàn thể	Làm đúng quy trình	Trong các năm học	
Tăng cường các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của trường. Giúp mỗi thành viên trong trường có nhận thức đúng đắn, có trách nhiệm thực hiện tốt quy chế dân chủ.	BCH Công đoàn		Trong các năm học	
Tăng cường đối thoại, tạo nhiều cơ hội để mọi người được bày tỏ ý kiến. Giải quyết	HT, Ban thanh tra nhân dân		Trong các năm học	

kip thời, dứt điểm, đúng quy định những kiến nghị, phản ánh của tất cả mọi thành viên.				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

c) Mọi cán bộ, giáo viên và học sinh trong trường đều được đối xử công bằng, không có hiện tượng kì thị, vi phạm giới tính bạo lực trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường cập nhật các thông tin từ CMHS, HS để thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 2 NV bảo vệ trường học, có nội quy ra vào cơ quan. Khuôn viên nhà trường có tường bao quanh. Các điều kiện CSVC của nhà trường như lan can, ao, cầu thang, lưới điện... thường xuyên được kiểm tra, kiện toàn để đảm bảo tiêu chuẩn an toàn theo quy định. Nhân viên y tế trường học, TPT Đội, Ban chỉ huy Liên Đội của nhà trường thường xuyên và kịp thời tuyên truyền cho CB, GV, NV, HS trong nhà trường về công tác phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng chống tai nạn, các tệ nạn xã hội trong các buổi giao ban, các buổi sinh hoạt tập thể, các buổi phát thanh măng non và tranh, ảnh, áp phích, băng tin. Nhà trường cũng đã tổ chức tuyên truyền và quán triệt CB, GV, NV và CMHS thực hiện tốt Công ước quốc tế về quyền trẻ em, chú trọng giáo dục đạo đức cho GV, NV và HS, tổ chức thực hiện tốt phong trào thi đua “Xây dựng trường

học thân thiện, học sinh tích cực”. Nhân viên y tế phụ trách công tác bán trú, người cung cấp và chế biến thức ăn đều có chứng nhận về vệ sinh an toàn thực phẩm. [H1-1.10-01]

b) Nhà trường có hòm thư góp ý đặt tại khu vực cạnh phòng bảo vệ, công khai lịch tiếp dân, lập đường dây nóng là số điện thoại của trường để tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân. Trong 5 năm qua, nhà trường làm tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho HS và CB, GV, NV. [H1-1.10-02]

c) Nhà trường đã làm tốt công tác giáo dục đạo đức, tập thể nhà trường là khối đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ nhau. Mọi CB, GV, NV và HS trong trường đều được tôn trọng, đối xử công bằng, không có hiện tượng kì thị, vi phạm giới tính, bạo lực trong nhà trường. Nhà trường luôn được đánh giá thực hiện tốt cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực”. [H1-1.3-04], [H1-1.8-03], [H1-1.10-02]

Mức 2:

a) Hàng năm, nhà trường đều xây dựng và phổ biến cho CB, GV, NV và HS trong trường về kế hoạch phòng chống thảm họa, thiên tai. Nhà trường đã tổ chức và phối kết hợp với các cơ quan, đoàn thể tổ chức được nhiều hoạt động ngoại khóa để hướng dẫn CB, GV, NV và HS thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng chống tai nạn, thương tích, phòng; chống cháy, nổ; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường như: phối hợp với Điện lực huyện Nam Trực tổ chức ”Chung tay sử dụng an toàn, tiết kiệm điện”; phối hợp với huyện Đoàn và Công ty Vũ Minh tổ chức hoạt động ”An toàn khi tham gia giao thông”. Tổ chức hướng dẫn HS quy tắc **5 ngón tay** để phòng, chống xâm hại tình dục, tổ chức học tập nội quy nhà trường đầu năm học, ... Nhà trường có đủ các dụng cụ phòng, chống cháy nổ và đã được công an huyện Nam Trực tập huấn về phòng chống cháy nổ. [H1-1.1-01]

b) Nhà trường luôn cập nhật các thông tin từ CMHS, HS để đánh giá, xử lý. Điều tra, nắm bắt kịp thời các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự để từ đó có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Ngoài ra, qua việc phân tích những vụ việc bạo lực học đường được nhắc đến trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhà trường quán triệt, rút kinh nghiệm, nhắc nhở CB, GV, NV. Trong những năm qua, nhà trường đã ngăn chặn kịp thời những hành vi chưa chuẩn mực của một số GV, HS, không để có những vi phạm nghiêm trọng xảy ra [H1-1.6-01]

c) Nhà trường luôn được đánh giá thực hiện tốt cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực”. Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. [H1-1.10-02]

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. CB quản lý, GV, NV và HS được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện các phương án, kế hoạch đã xây dựng.

Có hộp thư góp ý, có đường dây nóng và lịch trực tiếp dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân. Nhà trường luôn cập nhật các thông tin từ CMHS, HS liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và đã có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong 5 năm qua, nhà trường làm tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho HS và CB, GV, NV

Mọi CB, GV, NV và HS trong trường đều được đối xử công bằng, không có hiện tượng kì thị, vi phạm giới tính, bạo lực trong nhà trường.

3. Điểm yếu.

NV bảo vệ của trường tuổi cao, chưa có CMNV bảo vệ nên xử lý một số tình huống chưa khoa học, chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Duy trì các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực mà nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện.	HT + GV		Trong các năm học	
Tăng cường tập huấn hướng dẫn HS phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống tệ nạn xã hội, kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm	HT, TPT	Kinh phí	Trong các năm học	10 triệu đồng/năm
Thường xuyên quán triệt GV, NV, CMHS thực hiện công bằng đối xử với HS, không kì thị, phân biệt đối xử. Đặc biệt nghiêm cấm bạo lực học đường.	HT		Trong các năm học	
Luôn cập nhật các thông tin, biểu hiện phản ánh của CMHS và người dân, phân tích, đánh giá để đưa ra các biện pháp phòng ngừa, hoặc xử lý hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV và HS	HT + GV		Trong các năm học	
Tiếp tục thực hiện tốt phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực"	Phó HT + TPT	Kinh phí	Trong các năm học	5 triệu đồng/năm
Tham mưu với các cấp có thẩm quyền hợp đồng nhân viên bảo vệ có sức khỏe và	HT + Trưởng ban ĐDCMHS		Năm 2021	50 triệu đồng/năm

năng lực tốt.				
---------------	--	--	--	--

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	-----	
b	Đạt	B	Đạt	-----	
c	Đạt			-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 1

Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng được chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu GD và định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT theo Nghị quyết 29-NQ/TW của Đảng. Chiến lược phát triển của nhà trường được công khai theo đúng quy định và được thực hiện đảm bảo đúng tiến độ.

HĐT, Hội đồng thi đua, khen thưởng và các hội đồng tư vấn của nhà trường có cơ cấu và tổ chức hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học.

Nhà trường có Chi bộ Đảng và các đoàn thể, các tổ chức theo quy định. Hoạt động tích cực, hiệu quả của Chi bộ, các đoàn thể, các tổ chức đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng GD của nhà trường.

Nhà trường có đủ HT, phó HT, cơ cấu tổ chức chuyên môn, tổ VP của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định. Hàng năm, tổ chuyên môn và tổ VP đều xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của mình theo kế hoạch đã xây dựng. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ VP đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Quy mô, cơ cấu tổ chức lớp học của nhà trường hợp lý, giúp triển khai những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực thuận lợi, hiệu quả.

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ các hoạt động GD theo quy định, đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được thực hiện tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định. Đã xây dựng được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn trong việc huy động nguồn kinh phí hợp pháp để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kế hoạch GD của nhà trường đảm bảo theo quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương, được tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả, được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả cao.

Nhà trường đã xây dựng và lấy ý kiến thông qua của CB, GV, NV về kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Mọi thành viên tự giác, nghiêm túc thực hiện các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế đã xây dựng. Nhà trường không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo. Những kiến nghị, phản ánh luôn được giải quyết kịp thời, đúng quy định. Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Nhà trường có phương án, kế hoạch và tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho CB, GV, NV thực hiện phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và

phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Luôn cập nhật các thông tin từ HS, CMHS và nhân dân để phân tích, xử lý đưa ra các biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Nhà trường đã làm tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho HS và CB, GV, NV. Mọi thành viên trong trường đều được đối xử công bằng, không có hiện tượng kì thị, vi phạm giới tính, bạo lực trong nhà trường.

Điểm yếu.

Việc xây dựng và đóng góp ý kiến cho Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của CMHS và cộng đồng.

Do biến động nhân sự, HĐT phải kiện toàn lại nên thành viên mới chưa nắm vững nhiệm vụ, chức năng, chưa có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

Hoạt động của Công đoàn chưa có nhiều đổi mới, sáng tạo. Kinh phí hoạt động của Chi Đoàn, Liên Đội còn hạn chế.

Do sáp nhập, nhà trường đang thừa nhân viên so với quy định. Mặc dù thừa về số lượng nhưng NV trong tổ VP chưa có đủ trình độ, năng lực để đáp ứng tốt 8 vị trí việc làm của tổ VP, nhất là công tác thư viện, thiết bị, công tác văn thư dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao. Việc thừa nhân viên nhưng vẫn không đáp ứng tốt yêu cầu công việc đã gây ra lãng phí cho ngân sách nhà trường.

Còn một số GV, NV ngại va chạm, chưa tích cực, chưa mạnh dạn trao đổi, đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường, cho bạn bè, đồng nghiệp. Vẫn còn có số ít GV, NV chưa nắm chắc quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình nên khi giải quyết các phản ánh, kiến nghị của CMHS còn lúng túng, thụ động, trông chờ vào nhà trường.

NV bảo vệ của trường chưa có đủ sức khỏe và CMNV bảo vệ nên xử lý một số tình huống chưa khoa học, chưa hiệu quả.

Kết quả

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1.1		x	X	x
Tiêu chí 1.2		x	X	---
Tiêu chí 1.3		x	X	x
Tiêu chí 1.4		x	X	x
Tiêu chí 1.5		x	X	---
Tiêu chí 1.6		x	X	x
Tiêu chí 1.7		x	X	---
Tiêu chí 1.8		x	X	---
Tiêu chí 1.9		x	X	---
Tiêu chí 1.10		x	X	---

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Số lượng, cơ cấu, chất lượng đào tạo, năng lực của đội ngũ CB quản lý, GV, NV của trường tiểu học Nam Tiến đảm bảo theo các yêu cầu quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Nhà trường đã sử dụng đội ngũ hợp lý, phân công công việc phù hợp, phát huy tốt năng lực, sở trường của mỗi cá nhân, đảm bảo thực hiện hiệu quả các hoạt động GD. CB, GV, NV trong trường luôn tích cực học tập, bồi dưỡng CMNV để đáp ứng được nhiệm vụ được giao. Đội ngũ của trường là một khối đoàn kết, thống nhất, quyết tâm xây dựng nhà trường vững mạnh.

HS của nhà trường đảm bảo các quy định về tuổi, được thực hiện đầy đủ các quyền của mình và luôn có ý thức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người HS.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.

Mức 3 (nếu có):

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1,2,3

- a) Đồng chí Lê Thị Hạnh – HT, đồng chí Vũ Thị Thanh Thủy và đồng chí Trương Thị Bình – phó HT đều có trình độ đào tạo Đại học, chuyên ngành Sư phạm tiểu học. [H2-2.1-01], [H2-2.1-02]

Đồng chí Lê Thị Hạnh tham gia giảng dạy 5 năm, từ tháng 9.1994 đến tháng 10.1999 (không kể thời gian tập sự) tại trường Tiểu học Nam Đồng. Tháng 11.1999, đồng chí được bổ nhiệm phó HT; tháng 9.2004, đồng chí được bổ nhiệm HT; tháng 5.2010, đồng chí được bổ nhiệm lại HT; tháng 5. 2015, đồng chí được bổ nhiệm lại HT lần thứ hai; tháng 8.2017, đồng chí luân chuyển công tác về trường Tiểu học Nam Tiến, giữ chức vụ HT. Sau khi sáp nhập, tháng 09.2019 đồng chí tiếp tục được bổ nhiệm làm HT trường Tiểu học Nam Tiến[H2-2.1-01]

Đồng chí Vũ Thị Thanh Thủy tham gia giảng dạy 11 năm, từ tháng 9.1995 đến tháng 4.2006 (không kể thời gian tập sự) tại trường Tiểu học Nam Tiến. Tháng 5.2006, đồng chí được bổ nhiệm phó HT; tháng 5/2011, đồng chí được bổ nhiệm lại phó HT; tháng 5.2016, đồng chí được bổ nhiệm lại phó HT lần thứ hai. Sau khi sáp nhập, tháng 09.2019 đồng chí được bổ nhiệm làm phó HT trường Tiểu học Nam Tiến [H2-2.1-02]

Đồng chí Trương Thị Bình tham gia giảng dạy 12 năm, từ tháng 9.1996 đến tháng 8.2008 (không kể thời gian tập sự) tại trường Tiểu học Nam Sơn. Tháng 8.2008, đồng chí được bổ nhiệm phó HT; tháng 01/2014, đồng chí được bổ nhiệm lại phó HT; tháng 3.2019, đồng chí được bổ nhiệm lại phó HT lần thứ hai. Sau khi sáp nhập, tháng 09.2019 đồng chí được bổ nhiệm làm phó HT trường Tiểu học Nam Tiến.

- b) Cuối mỗi một năm học, từ năm học 2014-2015 đến năm học 2017-2018, đồng chí Lê Thị Hạnh được đánh giá theo Chuẩn HT ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Bộ GD&ĐT và đều được xếp loại Xuất sắc. Năm học 2018-2019, đồng chí Lê Thị Hạnh đã tiến hành TĐG theo Chuẩn HT ban hành kèm theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ GD&ĐT đạt loại Khá.

Cuối mỗi năm học, từ năm học 2014-2015 đến năm học 2017-2018, căn cứ vào Công văn 630/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 16 tháng 02 năm 2012 của Bộ GD&ĐT, nhà

trường đánh giá, xếp loại đồng chí Vũ Thị Thanh Thủy và đồng chí Trương Thị Bình theo Chuẩn HT. Đồng chí Vũ Thị Thanh Thủy và đồng chí Trương Thị Bình liên tục được đánh giá, xếp loại Xuất sắc. Năm học 2018-2019, đồng chí Vũ Thị Thanh Thủy và Trương Thị Bình đã tiến hành TĐG theo Chuẩn HT ban hành kèm theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ GD&ĐT đạt loại Khá. [H2-2.1-01], [H2-2.1-02]

HT và Phó HT của nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua và được cấp trên tặng nhiều giấy khen, bằng khen. [H2-2.1-01], [H2-2.1-02]

c) Đồng chí Lê Thị Hạnh tốt nghiệp lớp trung cấp chính trị năm 2007, tốt nghiệp lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý GD tại trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định năm 2004. Đồng chí Vũ Thị Thanh Thủy tốt nghiệp lớp trung cấp chính trị năm 2009, tốt nghiệp lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý GD tại Học viện quản lý GD năm 2015. Đồng chí Trương Thị Bình tốt nghiệp trung cấp chính trị năm 2017, tốt nghiệp lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục năm 2014. [H2-2.1-01], [H2-2.1-02]

Hàng năm, đồng chí HT và các đồng chí phó HT của nhà trường đều tham gia đầy đủ, nghiêm túc các buổi học tập Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, các lớp tập huấn về CMNV do cấp trên tổ chức. Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá HT, phó HT của toàn bộ CB, GV, NV trong trường, các đồng chí đều có kết quả tín nhiệm cao. [H2-2.1-01], [H2-2.1-02]

2. Điểm mạnh

HT, phó HT của trường đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn được bổ nhiệm HT, phó HT theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Các đồng chí đều đã được bồi dưỡng về lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý GD. HT, phó HT của trường là những đồng chí nhiệt tình, gương mẫu, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tích cực học tập, bồi dưỡng CMNV để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá HT, phó HT theo Chuẩn HT tiểu học luôn đạt loại Xuất sắc, nhiều năm liền các đồng chí đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua và được cấp trên tặng nhiều giấy khen, bằng khen.

3. Điểm yếu.

Mặc dù đã được học tập, bồi dưỡng về tiếng Anh song khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp của HT, phó HT còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tích cực tự học, tự bồi dưỡng về CMNV, về lý luận chính trị để đáp ứng nhiệm vụ được giao.	HT, Phó HT		Trong các năm học	
Chú trọng bồi dưỡng khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, nghiên cứu tài liệu.	HT, Phó HT	Tạo môi trường tốt	Trong các năm học	5 triệu đồng/năm
Luôn tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tác phong là tấm gương sáng trong đơn vị.	HT, Phó HT		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3 (nếu có):

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1,2,3

a) Hiện nay nhà trường có tổng số 42 GV, trong đó GV chủ nhiệm và giảng dạy một số môn học là 28 đồng chí/ 28 lớp; GV dạy chuyên là 14 đồng chí, gồm: 4 GV tiếng Anh, 4 GV thể dục, 2 GV mỹ thuật, 2 GV âm nhạc, 2 GV tin học. Tỷ lệ GV/ lớp là 1,5. Đồng chí Phan Văn Cảnh, GV thể dục kiêm nhiệm công tác Tổng phụ trách Đội. [H2-2.2-01]

b) Trình độ đào tạo của GV nhà trường trong 5 năm như sau:[H2-2.2-01]

Năm học	Tổng số GV	Trình độ						Ghi chú
		Trung cấp		Cao đẳng		Đại học		
		SL	%	SL	%	SL	%	
2014-2015	27	4	14,8	10	37	13	48,1	3 GV hợp đồng
2015-2016	28	3	10,7	9	32,1	16	57,1	2 GV hợp đồng
2016-2017	30	3	10	10	33,3	17	56,7	3 GV hợp đồng

2017-2018	29	3	10,3	11	37,9	14	48,3	1 GV hợp đồng
2018-2019	29	3	10,3	10	34,5	16	55,2	1 GV hợp đồng
2019-2020	42	2	4,7	12	28,6	28	66,7	1GV hợp đồng

c) Cuối mỗi năm học nhà trường đều tổ chức đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học kết quả:[H2-2.2-02]

Năm học	Tổng số GV	Kết quả đánh giá, xếp loại						Ghi chú
		Xuất sắc(tốt)		Khá		Trung bình		
		SL	%	SL	%	SL	%	
2014-2015	24	23	96	1	4			
2015-2016	26	25	96,2	1	1,8			
2016-2017	30	28	93,3	2	6,7			
2017-2018	28	18	64,3	10	35,7			
2018-2019	27	15	55,6	12	44,4			Kết quả TĐG

Trong 5 năm học liên tiếp, từ năm học 2014-2015 đến năm 2018- 2019 nhà trường không có GV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng và cơ cấu GV đủ để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động GD theo quy định của Chương trình GD phổ thông cấp tiểu học. Có GV làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

100% GV trong nhà trường đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo. Trong đó, tỷ lệ GV có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt 95,3%.

GV nhà trường vững vàng về chuyên môn, nhiệt tình, tâm huyết; tích cực học hỏi chuyên môn, có uy tín đối với HS, CMHS. 100% GV được đánh giá đạt Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học loại Khá trở lên, trong đó, loại Xuất sắc (Tốt) chiếm ít nhất 55,6%.

3. Điểm yếu

Vẫn còn có GV có trình độ đào tạo đạt chuẩn.

Năng lực ngoại ngữ và tin học của một số GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tạo điều kiện để GV học tập nâng cao trình độ, nâng cao tỷ lệ GV có trình độ đào tạo đại học đạt 100%	HT	Kinh phí, thời gian	Năm 2025	20 triệu đồng/năm
Phát huy nội lực, mở lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh và tin học cho GV	HT, GV Tiếng Anh, Tin học		Năm 2020	20 triệu đồng/năm

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	A	Đạt
b	Đạt	B	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	C	Đạt	-----	

Đạt	Đạt	Đạt
-----	-----	-----

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3 (nếu có):

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1,2,3

a) Nhà trường có 8 NV và 1 GV kiêm nhiệm làm công việc hành chính. Cụ thể: 1 NV kế toán, 2 NV phụ trách công tác văn thư, 2 NV y tế kiêm công tác hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, 2 NV thư viện, thiết bị, 1 NV thủ quỹ, 1 GV tin học kiêm công tác công nghệ, thông tin. [H2-2.3-01]

b) NV kế toán có trình độ trung cấp kế toán, 2 NV thư viện, thiết bị có trình độ trung cấp kế toán và đã được tập huấn về nghiệp vụ thư viện, thiết bị; 2 NV y tế có trình độ trung cấp y sĩ, được tập huấn thêm về công tác hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật; 1 NV thủ quỹ có trình độ trung cấp kế toán; 2 nhân viên văn thư có trình độ cao đẳng và trung cấp kế toán; GV tin học có trình độ Cao đẳng Công nghệ thông tin. NV trong tổ VP được tham gia các lớp tập huấn CMNV, được học tập nâng cao trình độ do cấp trên tổ chức như: sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm bảo hiểm xã hội, phần mềm phổ cập, phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý dinh dưỡng bữa ăn học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm, ... Ngoài ra, NV trong tổ VP và GV làm công tác hành chính thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng để có đủ năng lực đáp ứng các công việc được phân công. [H2-2.3-01]

c) Trong những năm qua, NV tổ VP và GV phụ trách công tác hành chính của nhà trường luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực hoàn thành mọi công việc được giao. Hằng năm, NV tổ văn phòng được đánh giá theo quy định tại Luật Viên chức được thông qua tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XII ngày 15 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 01 năm 2012. Kết quả đánh giá như sau: [H2-2.3-02]

Năm học	Tổng số NV	Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành
2015	4		4	0
2016	4		4	0
2017	4		4	0
2018	4		4	0
2019	8		7	1

Trong các năm học từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019, nhà trường không có NV vi phạm quy định phải xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu NV theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Các NV của trường đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn; được phân công công việc hợp lý, phù hợp với năng lực; được thường xuyên tham gia các lớp tập huấn về CMNV, được học tập nâng cao trình độ, tích cực tự học, tự bồi dưỡng để đáp ứng được vị trí việc làm do HT phân công.

NV tổ VP luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, không có NV nào vi phạm quy định phải xử lý kỷ luật.

3. Điểm yếu

Tuy có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn song một số NV tổ VP có chuyên môn đào tạo chưa phù hợp với công việc được giao. Để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ, họ phải thường xuyên tham gia tập huấn, bồi dưỡng và tự học. Vừa học vừa làm nên hiệu quả một số công việc chưa cao.

Do sáp nhập nên dư thừa về số lượng nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Kiểm toàn, sắp xếp lại NV trong tổ để tham mưu tinh giản theo đúng quy định.	HT		Tháng 5/2020	
Hàng năm, duy trì công tác bồi dưỡng CMNV cho NV tổ VP theo vị trí công việc để hoàn thành nhiệm vụ được giao.	HT		Thường xuyên trong năm học	5 triệu đồng/ năm học
Tạo điều kiện cử NV tổ VP học các lớp đào tạo văn thư lưu trữ và thư viện, thiết bị.	BGH		Năm 2022	10 triệu đồng/ năm học
Động viên, khuyến khích NV tổ VP tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên.	BGH, NV		Thường xuyên trong năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	A	Đạt
B	Đạt	b	Đạt	B	Đạt
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3 (nếu có):

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) HS tuyển vào lớp 1 hàng năm của nhà trường đều đủ 6 tuổi (tính theo năm). Toàn trường không có HS trên 14 tuổi. [H1-1.6-01]

b) Học sinh của nhà trường thực hiện đầy đủ và hiệu quả hoạt động học tập; chấp hành tốt nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; biết giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. 100% các em hiếu thảo với cha mẹ, ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, NV và người lớn tuổi; biết đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. Đa phần các em có ý thức rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân, tích cực tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; biết giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và thực hiện trật tự an toàn giao thông. Các em luôn tự hào về nhà trường, tích cực góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương. [H1-1.3-04]; [H1-1.8-03]

c) Trẻ trên địa bàn nhà trường quản lý được nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để được theo học tại trường hoặc cơ sở GD khác. HS của nhà trường luôn được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Những HS có năng khiếu, năng lực được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu, năng lực. HS khuyết tật được chăm sóc và GD hoà nhập theo quy định. Hàng năm, nhà trường đều quan tâm điều tra HS thuộc diện chính sách xã hội, phối kết hợp với các ban, ngành, đoàn thể để giúp HS nhận được học bổng và hưởng chính sách xã hội theo quy định. [H2.2.4-01]

Mức 2

Nhà trường tổ chức cho HS học nội quy ngay từ đầu năm học, xây dựng Hội đồng tự quản của lớp, của trường để quản lý HS. Hội đồng tự quản hoạt động tự giác, dân chủ, phát huy được tính tích cực của HS. Tất cả HS của nhà trường được quan tâm, giúp đỡ và GD về mọi mặt. Nhà trường thường xuyên quán triệt, bồi dưỡng cho GV thực hiện các biện pháp GD kỉ luật tích cực, bồi dưỡng cho GV biết ứng xử hợp lý với các tình huống sư phạm. Những việc làm chưa đúng, chưa chuẩn mực của HS được phát hiện và ngăn chặn kịp thời. Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể và CMHS cùng GD. Tỷ lệ HS được đánh giá Đạt về các phẩm chất chiếm từ 99,3% trở lên, không có HS bị kỷ luật. [H2-2.4-02]

Mức 3

Nhà trường thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua trong HS, tạo nhiều sân chơi bổ ích, phát huy năng lực sở trường của mỗi em. HS tham gia thi đua lành mạnh, tích cực. Nhà trường luôn khen thưởng, động viên, khuyến khích kịp thời các tiến bộ của HS. HS trong nhà trường luôn có ý thức tự hào, gìn giữ và phát huy truyền thống nhà trường. [H2-2.4-03]

2. Điểm mạnh

HS của nhà trường đảm bảo về độ tuổi, được đảm bảo các quyền và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người HS theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học.

Nhà trường đã quan tâm giáo dục HS toàn diện, có những biện pháp hữu hiệu để quản lý HS nên đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, có những biện pháp GD tích cực, giúp HS nhận ra sai trái và sửa chữa. Trong những năm qua, không có HS nào vi phạm phải nhận các hình thức kỉ luật.

Nhà trường đã tạo được môi trường GD lành mạnh, tích cực. Các phong trào thi đua trong HS diễn ra rất sôi nổi và hiệu quả. Các em luôn đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

3. Điểm yếu.

Vẫn còn có HS chưa được đánh giá Đạt về một số năng lực, phẩm chất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mức thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Duy trì tốt các biện pháp đã sử dụng để quản lý chặt chẽ HS, phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể trong và ngoài trường để GD HS, sớm phát hiện và ngăn chặn kịp thời những biểu hiện, hành vi không đúng của HS.	HT, GV		Thường xuyên trong các năm học	
Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, tạo các sân chơi bổ ích để cuốn hút các em vào các hoạt động thiết thực, lành mạnh.	HT, Phó HT, TPT	Kinh phí	Thường xuyên trong các năm học	20 triệu đồng/ năm học
Tổ chức các phong trào thi đua thường xuyên trong HS. Chú trọng tính công bằng, trung thực, tính hiệu quả và động viên khích lệ kịp thời trong việc tổ chức thi đua.	HT, Phó HT, TPT, GV	Kinh phí	Thường xuyên trong các năm học	10 triệu đồng/ năm học
Quản triệt và hướng dẫn GV thực hiện tốt Công ước quốc tế về quyền trẻ em, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của HS.	HT, PHT		Đầu mỗi năm học	
Nghiên cứu kĩ về từng HS, nhất là những HS có biểu hiện, hành vi chưa đúng, tìm biện pháp hữu hiệu để GD các em.	HT, Phó HT, TPT, GV		Đầu mỗi năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	*	Đạt

B	Đạt	-----		-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 2

Điểm mạnh,

HT, phó HT của trường đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn, được bổ nhiệm HT, phó HT theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học, đã được bồi dưỡng về lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý GD. HT, phó HT của trường luôn nhiệt tình, gương mẫu, có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực học tập, bồi dưỡng CMNV để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá HT, phó HT theo Chuẩn HT tiểu học luôn đạt loại Xuất sắc, nhiều năm liền các đồng chí đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua và được cấp trên tặng nhiều giấy khen, bằng khen.

Nhà trường có số lượng và cơ cấu GV đủ để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động GD theo quy định của Chương trình GD phổ thông cấp tiểu học. Có giáo viên làm TPT Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. 100% GV trong nhà trường đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo. Trong đó, tỷ lệ GV có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt 95,3%. GV của nhà trường vững vàng về CMNV, nhiệt tình, tâm huyết; tích cực học hỏi, có uy tín đối với HS, CMHS. 100% GV được đánh giá đạt Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học loại Khá trở lên. Trong đó, loại Xuất sắc (Tốt) chiếm ít nhất 55,6%

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu NV theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT. Các NV của trường đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn; được phân công công việc hợp lý, phù hợp với năng lực; được thường xuyên tham gia các lớp tập huấn về CMNV, được học tập nâng cao trình độ, tích cực tự học, tự bồi dưỡng để đáp ứng được vị trí việc làm do HT phân công. NV tổ VP luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, không có NV nào vi phạm quy định phải xử lý kỷ luật.

HS của nhà trường đảm bảo về độ tuổi, đảm bảo các quyền và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người HS theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Nhà trường luôn quan tâm giáo dục HS toàn diện, có những biện pháp hữu hiệu để quản lý HS nên đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sử dụng những biện pháp GD tích cực, giúp HS nhận ra sai trái và sửa chữa. Trong những năm qua, không có HS nào vi phạm quy định phải nhận các hình thức kỉ luật. Nhà trường cũng đã tạo được môi trường GD lành mạnh, tích cực. Các phong trào thi đua trong HS diễn ra rất sôi nổi và hiệu quả. Các em luôn đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Điểm yếu.

Mặc dù đã được học tập, bồi dưỡng về tiếng Anh song khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp của HT, phó HT, của đội ngũ GV, NV còn hạn chế.

Vẫn còn có GV có trình độ đào tạo đạt chuẩn.

Tuy có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn song một số NV tổ VP có chuyên môn đào tạo chưa phù hợp với công việc được giao nên hiệu quả một số công việc chưa cao.

Vẫn còn có HS chưa được đánh giá Đạt về một số phẩm chất và năng lực.

Kết quả

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3

Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất của nhà trường đạt tiêu chuẩn của trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2, trường đạt Chuẩn “Xanh- sạch- đẹp - an toàn”. Thư viện của trường đã đạt chuẩn thư viện trường phổ thông, trong những năm qua đã được nâng cấp, cải tạo và khai thác có hiệu quả để phục vụ tốt các hoạt động nghiên cứu, học tập của CB, GV, NV, HS và tổ chức các hoạt động GD của nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

c) *Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2:

a) *Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*

b) *Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3 (nếu có):

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1,2,3

a) Nhà trường có tổng diện tích là 16855 m²; trong đó diện tích điểm trường chính là 11365 m², điểm trường lẻ là 5490 m². Bình quân diện tích sử dụng/1 HS là 18,9 m². Khuôn viên của nhà trường đã được quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhà trường có nhiều cây xanh, cây bóng mát. Diện tích cây xanh che phủ hơn 60% diện tích của nhà trường. Phát huy hiệu quả của trường đạt Chuẩn Quốc gia, đạt Chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, cảnh quan của nhà trường luôn bảo đảm yêu cầu môi trường sư phạm, xanh, sạch, đẹp, yên tĩnh, thoáng mát, thuận tiện cho học sinh học tập, vui chơi. Nhà trường còn tích cực đổi mới không gian lớp học, xanh hoá lớp học, phòng làm việc tạo cho học sinh môi trường học tập lành mạnh và thân thiện. Không có hàng quán, nhà ở trong và xung quanh khu vực trường. [H3-3.1-01]

b) Nhà trường có cổng trường, biển trường theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Toàn bộ khuôn viên của trường có tường xây bao quanh cao 2 mét, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. [H3-3.1-02]

c) Sân chơi của nhà trường có diện tích 4360 m² trong đó điểm trường chính là 2560 m², điểm trường lẻ là 1800 m²; bãi tập có tổng diện tích 2020 m², trong đó điểm trường chính là 820 m², điểm trường lẻ là 1200 m². Tổng diện tích sân chơi, bãi tập của trường là 6380 m², chiếm 37,8% diện tích toàn trường. Sân chơi của nhà trường được lát gạch chống trơn trượt, đảm bảo thẩm mỹ, có nhiều cây bóng mát. Sân tập tại điểm trường chính được chia thành 2 sân: sân bóng rổ 300 m², sân bóng đá cỏ nhân tạo có diện tích 520 m². Sân bóng đá cỏ nhân tạo của trường đạt tiêu chuẩn sân bóng đá mini 5 người theo quy định của FIFA, sân bóng rổ của trường được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định của sân bóng rổ dành cho HS tiểu học. Sân chơi, sân tập của nhà trường luôn đảm bảo tốt mọi điều kiện để HS luyện tập và vui chơi thường xuyên, hiệu quả. [H3-3.1-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích rộng, thoáng mát, sạch sẽ, mặt bằng xây dựng bình quân/1 HS vượt xa so với quy định mặt bằng xây dựng của trường khu vực nông thôn.

Khuôn viên của nhà trường được quy hoạch rất rõ ràng, hợp lý. Có cổng trường, biển trường và tường bao quanh theo đúng quy định, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ.

Sân chơi, sân tập của trường có diện tích đảm bảo quy định, có trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, có nhiều cây bóng mát đảm bảo cho HS vui chơi, luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Hệ thống cây xanh trên khu vực sân chơi mới được quy hoạch lại nên chưa có nhiều cây bóng mát to.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên bảo dưỡng sân chơi, sân tập; xây dựng quy chế sử dụng rõ ràng, khoa học để khai thác tối đa hiệu quả của sân chơi, sân tập, nhà đa năng nhằm phục vụ tốt các hoạt động GD của nhà trường	HT, TPT, GVTD		Trong các năm học	5 triệu đồng/năm
Tích cực chăm sóc tốt hệ thống cây bóng mát trên sân trường để tạo cho HS trong nhà trường một môi trường học tập, sinh hoạt đẹp, trong lành và hiệu quả.	GV, HS		Trong các năm học	5 triệu đồng/năm

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	*	
B	Đạt	b	Đạt	-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;
b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3 (nếu có):

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1,2

a) Nhà trường có 28 phòng học, đủ mỗi lớp có một phòng học riêng. 100% phòng học là phòng kiên cố và cao tầng. Mỗi phòng học rộng 45 m², bình quân diện tích 1,3 m²/HS. Các phòng học được trang trí theo lớp học của mô hình trường tiểu học mới. Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh, đảm bảo quy định về vệ sinh trường học. [H3-3.2-01]

b) Các phòng học của nhà trường có đủ bàn ghế, đảm bảo cho mỗi HS 1 chỗ ngồi, có bàn ghế cho GV. Bàn ghế của HS đều là bàn 2 chỗ, ghế 1chỗ, kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế đảm bảo quy định của Thông tư số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học, công nghệ và Bộ Y tế. Có 30% số bàn ghế đã hết khấu hao sử dụng.[H3-3.2-01]

c) Mỗi phòng học có 1 bảng từ sơn xanh chống lóa, kích thước 1,5m x 3m và 1 tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học. Ngoài ra, phòng học còn có hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống quạt làm mát và 1 cây nước nóng lạnh hoặc bình nước tinh khiết để phục vụ sinh hoạt của GV và HS. Các phòng học của điểm trường lẻ đều được trang bị tivi có kết nối internet.[H3-3.2-01]

Mức 3

Nhà trường có các phòng riêng biệt để dạy các môn gồm: 2 phòng Tin học, 2 phòng Mỹ thuật, 2 phòng Âm nhạc, 2 phòng Tiếng Anh và các phòng để hỗ trợ học sinh học tập gồm: phòng hỗ trợ GD HS khuyết tật, phòng STEM để hỗ trợ HS thực hành về khoa học, kĩ thuật và robot. Các phòng học để dạy các môn riêng biệt và hỗ trợ học tập của học sinh đều là phòng kiên cố, đủ bàn ghế, trang thiết bị và các điều kiện phục vụ tốt việc học tập của HS. [H3-3.2-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng học riêng cho mỗi lớp, có các phòng học riêng cho các môn Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật và các phòng hỗ trợ GD HS khuyết tật, phòng thực hành khoa học, kĩ thuật. 100% các phòng học đều là phòng kiên cố, cao tầng, diện tích các phòng đảm bảo quy định bình quân 1,3m²/ HS. Quy cách phòng học đảm bảo quy định về vệ sinh học đường.

Các phòng học đều có bảng chống lóa, đủ bàn ghế cho GV, HS. Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế đảm bảo quy định của Thông tư số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học, công nghệ và Bộ Y tế.

Các phòng học có đủ điện chiếu sáng, quạt mát, tủ đựng hồ sơ, thiết bị phục vụ tốt sinh hoạt của GV và HS.

3. Điểm yếu

Còn một số bàn ghế đã cũ, đang xuống cấp.

Một số phòng học tại điểm trường lẻ chưa có thiết bị hiện đại như tivi, máy chiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Rà soát điều kiện phòng học cuối mỗi năm học, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tạo, tu bổ, mua sắm để đảm bảo phục vụ tốt việc giảng dạy và học tập ngay từ đầu năm học.	HT	Kiểm kê cuối năm học	Đầu mỗi năm học	30-50 triệu đồng/ năm
Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, khắc phục kịp thời bàn ghế, điện, nước, quạt,...khi có hỏng hóc xảy ra.	HT, GV		Thường xuyên	10-20 triệu đồng/ năm
Huy động các nguồn lực hợp pháp để bổ sung các thiết bị dạy học hiện đại cho các phòng học của các lớp	HT, GV		Đầu năm và cuối học kỳ I	50 -70 triệu đồng/ năm

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
B	Đạt	b	Đạt	-----	
C	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính- quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3 (nếu có):

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1, 2,3

a) Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: 2 phòng mỹ thuật, 2 phòng âm nhạc, 2 phòng tin học, 2 phòng tiếng Anh, 1 phòng STEM, 2 phòng thiết bị, 1 phòng

truyền thông và hoạt động Đội, 1 phòng hỗ trợ GD HS khuyết tật, 2 nhà đa năng và 2 phòng thư viện. Các phòng mỹ thuật, âm nhạc, tin học, tiếng Anh, thiết bị, STEM, truyền thông và hoạt động Đội, mỗi phòng có diện tích 45 m², phòng hỗ trợ GDHS khuyết tật có diện tích 15m², nhà đa năng điểm chính có diện tích 240 m², nhà đa năng điểm lẻ có diện tích 200 m², mỗi phòng thư viện có diện tích 50m². Ngoài ra, tại 2 điểm trường đều có thư viện ngoài trời, thư viện ngoài trời điểm trường chính có diện tích 520m², thư viện ngoài trời điểm trường lẻ có diện tích 285 m². Các phòng thuộc khối phòng phục vụ học tập của nhà trường đều là phòng kiên cố.

Phòng học mỹ thuật, ngoài trang thiết bị như các phòng học còn được trang trí như một phòng tranh. Phòng học âm nhạc cũng được bổ sung các trang thiết bị như đàn, gương lớn, ti vi internet, ... để bồi dưỡng cho HS có năng khiếu. Mỗi phòng tin học có 21 bộ máy tính để bàn được nối mạng internet và 1 máy chiếu, luôn phục vụ tốt cho việc học của HS. Phòng học tiếng Anh có đầy đủ bàn ghế, loa đài, máy tính kết nối Internet, máy chiếu. Nhà đa năng được thiết kế, trang trí và sử dụng đa năng. Thư viện nhà trường có đủ các đầu sách, bản sách phục vụ học tập, tham khảo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, sách giáo khoa để hỗ trợ học sinh khó khăn, có máy tính, ti vi kết nối internet để phục vụ hoạt động của thư viện. Thư viện đã được công nhận đạt Chuẩn thư viện phổ thông. Phòng thiết bị giáo dục được dùng để bảo quản các thiết bị, đồ dùng dạy học dùng chung. Phòng thiết bị có hệ thống tủ, giá đỡ, giá treo giúp sắp xếp thiết bị gọn gàng, khoa học, thuận tiện cho việc mượn trả của GV. Phòng truyền thông và hoạt động Đội của trường được trang trí đúng mục đích, giúp cho việc GD truyền thông của trường, có đủ bàn ghế và trang thiết bị để Ban chỉ huy Liên Đội và Hội đồng tự quản của trường hoạt động thuận tiện, hiệu quả. Phòng hỗ trợ GD HS khuyết tật cũng được trang bị bàn ghế và các phương tiện làm việc phù hợp.

Các phòng phục vụ học tập được bố trí, sắp xếp khoa học, thuận tiện cho HS, giúp hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. [H3-3.3-01]

b) Khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường gồm: 1 phòng HT, 2 phòng phó HT, mỗi phòng có diện tích 20 m²; 1 phòng GV có diện tích 24 m², 2 văn phòng, điểm chính có diện tích 72m², điểm lẻ có diện tích 30 m²; 2 phòng hành chính, mỗi phòng có diện tích 24m²; 2 phòng bảo vệ, mỗi phòng có diện tích 16m², 2 kho có tổng diện tích 50m²; 2 phòng y tế, mỗi phòng có diện tích 24 m². Phòng y tế có các trang thiết bị như: tủ thuốc, giường bệnh, cân, đo điện tử, dụng cụ sơ cứu, ... Tủ thuốc của nhà trường được kiểm tra thường xuyên, đảm bảo số thuốc, hạn sử dụng của thuốc theo quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1221/QĐ- BYT ngày 7 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế học đường của các trường tiểu học. Các phòng còn lại đều được trang bị bàn ghế, tủ, máy vi tính, máy in và các phương tiện làm việc phù hợp khác. Nhà trường có 1 phòng riêng diện tích 10 m² để lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung. Ngoài ra hồ sơ, tài liệu đang sử dụng của từng bộ phận như kế toán, quản lý, y tế, phổ cập, thư viện,... được bảo quản ở phòng làm việc của từng bộ phận. Tất cả tài liệu và hồ sơ của trường được bảo quản bằng hệ thống tủ an toàn, sắp xếp khoa học.

Các phòng khối hành chính – quản trị được bố trí khu riêng biệt, sắp xếp khoa học, giúp hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. [H3-3.3-02]

c) Nhà trường có nhà để xe riêng cho GV và HS. Nhà để xe cho GV điểm chính có diện tích 70 m², điểm lẻ có diện tích 30 m², nhà để xe của HS điểm chính có diện tích 250 m², điểm lẻ có diện tích 100 m², đủ chỗ để GV và HS xếp xe. Nhà để xe của GV và

HS được làm bằng khung sắt, mái tôn, đặt ở vị trí hợp lý, thuận tiện, an toàn. [H3-3.3-03]

Nhà trường có 1 bếp ăn cho HS bán trú, bếp được xây dựng 1 chiều với đầy đủ trang thiết bị nhà bếp tương đối hiện đại, đảm bảo vệ sinh, an toàn cho GV và HS ăn bán trú. [H3-3.3-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng phục vụ học tập, phòng hành chính – quản trị theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Các phòng đều có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

Nhà để xe có đủ chỗ cho GV và HS sắp xếp xe gọn gàng, trật tự. Nhà để xe được bố trí vị trí thuận tiện, đảm bảo an toàn.

Đã có khu bếp ăn bán trú được xây dựng 1 chiều với trang thiết bị đảm bảo quy định vệ sinh học đường.

3. Điểm yếu

Chưa có khu nhà ăn, nghỉ riêng biệt cho HS bán trú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Hàng năm rà soát, lập kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng, tu sửa, mua sắm bổ sung trang thiết bị để các phòng phục vụ học tập, phòng hành chính, quản trị hoạt động tốt.	HT, Phụ trách phòng	Kinh phí	Trước khi khai giảng năm học mới	10 triệu đồng/ năm
Xây dựng kế hoạch, xây dựng nguồn hợp pháp để mua sắm các trang thiết bị hiện đại cho các phòng, đặc biệt là khối phòng phục vụ học tập.	HT	Kinh phí	Trong các năm học	30 triệu đồng/ năm
Có kế hoạch sử dụng nhà đa năng để tổ chức ăn, nghỉ cho học sinh bán trú.	HT, Phụ trách bán trú		Năm 2019	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
B	Đạt	b	Đạt	-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho GV, NV và HS, riêng cho nam, nữ. Công trình vệ sinh dành cho GV, NV tại điểm chính có 2 khu, mỗi khu rộng 10m², đặt ở phía đông và phía tây của trường. Công trình vệ sinh cho GV, NV điểm lẻ có diện tích 20 m². Công trình vệ sinh cho HS điểm trường chính có diện tích 70 m², đặt tách biệt phía sau trường, trung tâm của các dãy phòng học. Công trình vệ sinh cho HS điểm trường lẻ có diện tích 50 m², cũng được đặt tách biệt phía sau trường, trung tâm của các dãy phòng học. Công trình vệ sinh của GV, NV và HS cả 2 điểm trường đều là công trình vệ sinh tự hoại, trang thiết bị hiện đại, sạch sẽ, có mái che, sử dụng nước sạch của nhà máy nước. Nhà trường có NV dọn vệ sinh hàng ngày, đảm bảo các công trình vệ sinh luôn sạch sẽ, không gây ô nhiễm môi trường. [H3-3.4-01]

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước khoa học, đảm bảo không có tình trạng ứ đọng nước khi trời mưa, đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường. Nhà trường sử dụng nước sinh hoạt của nhà máy nước máy sạch Nam Tiến, nước được chứa trong các téc inox có nắp đậy. Hệ thống chứa nước sạch đảm bảo giúp cho nhà trường sử dụng khoảng 5 ngày nếu không được cấp nước. Nhà trường sử dụng nước uống, nước nấu ăn cho học sinh từ hệ thống máy lọc nước tinh khiết của trường. Hệ thống lọc có công suất tối đa 300l/giờ, được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên, được thay thế củ lọc đúng thời gian quy định, chất lượng nước uống đảm bảo yêu cầu vệ sinh. Nước uống được đưa tới tận phòng học, có máy làm nóng lạnh để HS sử dụng phù hợp theo mùa. [H3-3.4-02]

c) Nhà trường bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để chứa rác. Nhà trường cũng đã hướng dẫn HS thu gom và phân loại rác thải, NV thu gom rác 3 lần/ 1 tuần chuyển rác của nhà trường về nơi xử lý chung của địa phương. [H3-3.4-03]

Mức 2

a) Khu vệ sinh của HS nhà trường được xây dựng ở vị trí trung tâm phía sau trường, khu vệ sinh GV, NV được đặt ở hai trung tâm dãy nhà phía đông và tây của trường. Vị trí đặt các khu VS phù hợp với cảnh quan nhà trường, đảm bảo thuận tiện cho việc sử dụng của GV và HS. [H3-3.4-01]

b) Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế khoa học, hệ thống thoát nước của sân chơi có nắp đậy an toàn. Ao và hệ thống mương máng xung quanh trường luôn được vệ sinh và khơi thông dòng chảy. Rác thải của nhà trường đã được thu gom và phân loại, được xử lý theo quy trình lò xử lý rác của địa phương. [H3-3.4-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CB, GV, NV và HS, riêng cho nam và nữ. Công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế; được quy hoạch

ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường giúp GV, NV và HS (kể cả HS khuyết tật) vệ sinh thuận tiện, an toàn, sạch sẽ.

Nhà trường đã sử dụng nguồn nước sạch trong sinh hoạt, nước uống tinh khiết cho GV và HS. Hệ thống thoát nước và thu gom rác thải đảm bảo quy định.

3. Điểm yếu:

Hệ thống dự trữ nước sinh hoạt còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên kiểm tra, rà soát để kịp thời tu sửa các công trình vệ sinh, công trình cấp thoát nước hoạt động tốt.	HT, tổ VP		Trong các năm học	20 triệu
Duy trì tốt nền nếp lao động quét dọn, thu gom và phân loại rác để giữ vệ sinh môi trường chung.	TPT		Trong các năm học	
Mua sắm bổ sung các thiết bị chứa nước dự trữ sinh hoạt, đề phòng khi có sự cố.	HT	Kinh phí	Năm 2021	20 triệu đồng

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	-----	
B	Đạt	b	Đạt	-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3 (nếu có):

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị văn phòng gồm: 02 bộ bàn quây với 25 chỗ ngồi, 14 bộ bàn ghế phòng họp với 56 chỗ ngồi, 6 bộ bàn ghế làm việc, 6 bộ bàn ghế tiếp khách trong các phòng hành chính- quản trị; 9 tủ đựng tài liệu, hồ sơ; 8 máy vi tính; 5 máy in và scan, 03 cây nước nóng lạnh Ngoài ra, nhà trường có các thiết bị âm thanh, nghe nhìn để phục vụ các hoạt động GD gồm: 6 máy chiếu, 05 bộ thiết bị âm thanh; 12 ti vi, Các thiết bị trên luôn hoạt động tốt. [H3-3.5-01]

b) Nhà trường có 28 bộ đồ dùng dạy học theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư 15/2009/TT- BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ GD&ĐT, đủ cho mỗi lớp 1 bộ. Ngoài ra, nhà trường còn có một số đồ dùng, thiết bị dạy học chung cho môn Thể dục, Âm nhạc, Tin học, hoạt động tập thể. [H3-3.5-02]

c) Hàng năm, sau khi phân công chuyên môn cho GV, nhà trường tổ chức cho GV mượn các đồ dùng dạy học khối lớp mình giảng dạy. Đồ dùng được sắp xếp vào hệ thống tủ ngay trên phòng học, giúp GV thuận tiện trong việc sử dụng và bảo quản. Những đồ dùng dạy học chưa sử dụng, sử dụng chung được nhà trường bảo quản tốt tại phòng thiết bị và giao cho NV phụ trách thiết bị dạy học của nhà trường quản lý và cho mượn theo yêu cầu của GV. Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức kiểm kê toàn bộ đồ dùng dạy học của các lớp. Đánh giá việc sử dụng và bảo quản của GV. Tiến hành thanh lý các thiết bị, đồ dùng hỏng và xây dựng kế hoạch bổ sung đồ dùng dạy học cho năm học tới.[H3-3.5-03]

Mức 2:

a) Nhà trường có 3 đường truyền internet cáp quang tốc độ cao, 100% máy tính của nhà trường đều được kết nối Internet phục vụ hoạt động quản lý, hoạt động dạy học của nhà trường, trong đó có 8 máy tính phục vụ hoạt động hành chính – quản trị, 42 máy tính phục vụ dạy học. [H3-3.5-04]

b) Ngoài 28 bộ đồ dùng dạy học theo quy định danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu của Bộ GD&ĐT, nhà trường còn có một số đồ dùng, thiết bị dạy học hiện đại như máy tính, máy chiếu, máy cassette, loa, ti vi và các đồ dùng dạy học tự làm như sơ đồ tư duy, biểu bảng, ...[H3-3.5-05]

c) Bộ đồ dùng dạy học theo quy định của Bộ GD&ĐT mà nhà trường được cấp phát đã nhiều năm nên đã hỏng hóc nhiều. Hiện nay, nhà trường đang dạy học theo mô hình VNEN nên nhiều thiết bị, đồ dùng của bộ đồ dùng theo quy định không còn phù hợp. Chính vì vậy, nhà trường luôn phát động GV, HS tự làm đồ dùng dạy, học. Nhà trường có 1 tuần đầu năm dành cho GV, HS trang trí công cụ lớp học, các góc học tập và chuẩn bị đồ dùng dạy, học. Trong năm học, tổ chức triển lãm, thi đồ dùng dạy, học tự làm của GV, HS. Đã có rất nhiều đồ dùng dạy, học tự làm chất lượng, hiệu quả sử dụng cao. [H3-3.5-06]

Mức 3

Đầu tháng 8 hàng năm, sau khi bàn giao đồ dùng, thiết bị dạy học, nhà trường phát động tu sửa, cải tiến, làm bổ sung đồ dùng chuẩn bị cho năm học mới. Nhà trường chỉ đạo cho các tổ khối trong mỗi buổi SHCM lên được kế hoạch chuẩn bị đồ dùng dạy học và thảo luận cách sử dụng đồ dùng dạy học như thế nào trong tiết dạy để đem lại hiệu quả cao. Nhà trường đã tiến hành kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của GV rất nghiêm túc. Bằng các hình thức: dự giờ thăm lớp, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra hồ sơ, sổ sách, kiểm tra kiến thức HS,... nhà trường đã thực hiện tốt công tác thúc đẩy GV tích cực sử dụng và sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học. Ngoài ra, hàng năm nhà trường còn khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học thông qua các hình thức triển lãm, thi sử dụng

các đồ dùng dạy học tự làm, tổ chức khen thưởng xứng đáng cho những đồ dùng dạy học tự làm có hiệu quả sử dụng cao. GV trong nhà trường đã tự làm được đồ dùng dạy học hiệu quả. [H3-3.5-07]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học theo quy định. Ngoài ra, nhà trường còn có nhiều thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học hiện đại, giúp cho nhà trường thực hiện tốt mọi hoạt động.

Các thiết bị văn phòng, dạy học được bảo quản khoa học, sử dụng hiệu quả, được sửa chữa, bổ sung hàng năm. Nhà trường luôn khuyến khích, thúc đẩy GV, HS làm đồ dùng dạy, học và đã có nhiều đồ dùng dạy, học có hiệu quả sử dụng cao, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Nhà trường đã tổ chức kiểm kê thiết bị cuối mỗi năm học, trên cơ sở đó lập kế hoạch và thực hiện sửa chữa, cải tạo, bổ sung đồ dùng, thiết bị hàng năm.

3. Điểm yếu

Có nhiều đồ dùng, thiết bị dạy học được cấp phát chất lượng kém, không còn phù hợp với việc dạy, học hiện nay.

Thiết bị dạy học tự làm của GV, HS chưa đa dạng, phong phú, độ bền không cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện thực hiện	Mức thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục khai thác có hiệu quả các thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học hiện có để phục vụ tốt cho các hoạt động của trường.	CB, GV, NV, HS		Thường xuyên	
Duy trì các biện pháp động viên, thúc đẩy GV, HS tích cực làm và sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy, học.	PHT		Thường xuyên	
Mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học hiện đại giúp GV thuận lợi trong đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, nâng cao chất lượng GD	HT, Phó HT	Kinh phí	Đầu mỗi năm học	50 triệu đồng/ năm

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
B	Đạt	b	Đạt	-----	
C	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1,2,3

Hệ thống thư viện của nhà trường gồm có: 2 phòng đọc, mỗi phòng có diện tích là 50 m², 1 phòng đọc cho GV có diện tích 24 m², 2 thư viện xanh có tổng diện tích 805 m² và mỗi lớp học có 1 tủ sách thư viện. Hệ thống thư viện của nhà trường đang được quản lý và tổ chức hoạt động theo mô hình của room to read. Tính đến tháng 3/2020, thư viện nhà trường có 3149 đầu sách với 6036 bản sách các loại, được chia theo trình độ đọc, được dán mã màu. Cụ thể: Xanh lá có 337 đầu – 589 cuốn, đỏ có 504 đầu – 581 cuốn, cam có 683 đầu – 1150 cuốn, trắng có 520 đầu -867 cuốn, xanh dương 412 đầu – 813 cuốn, vàng 693 đầu – 1766 cuốn. Sách trong thư viện có đủ các thể loại phù hợp với từng lứa tuổi học sinh tiểu học. Ngoài ra, thư viện còn có hàng nghìn đầu sách tham khảo, phục vụ cho việc tra cứu tài liệu, học tập của GV và HS. [H3.2.6-01]

Các trang thiết bị phục vụ cho việc quản lý, bảo quản tài liệu thư viện, việc đọc sách tại chỗ của GV, NV, HS trong thư viện luôn được nhà trường quan tâm đầu tư. Thư viện của nhà trường có máy tính nối mạng internet, có 25 bộ bàn ghế, 235 chỗ ngồi đọc, 28 tủ, giá sách. Đặc biệt, các thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động GD tiểu học luôn được cập nhật đầy đủ. Nhà trường có 2 nhân viên phụ trách thư viện và 1 Ban thư viện trong Hội đồng tự quản của trường, nội quy thư viện được xây dựng rất cụ thể, rõ ràng. Thư viện nhà trường có đầy đủ các sổ sách ghi chép, theo dõi như: Danh mục tài liệu thư viện, Sổ cập nhật tài liệu thư viện, Sổ mượn trả, biên bản kiểm kê thư viện, Sổ đăng kí cá biệt.. Hệ thống sổ sách của thư viện nhà trường được bảo quản tốt, ghi chép đầy đủ, tương đối dễ tra cứu. Chính vì vậy, sách, báo, tài liệu của thư viện được quản lý chặt chẽ, bảo quản tốt phục vụ cho công tác bồi dưỡng GV, NV và HS. [H3-3.6-01]

Nhà trường đã xây dựng lịch đọc sách cụ thể cho HS trong thư viện trường, thư viện xanh. Mỗi lớp có 1-2 tiết đọc sách trong thời khóa biểu. Nhà trường quy định và tổ chức thực hiện nền nếp đọc sách ngoài giờ lên lớp cho HS các lớp. Mỗi HS có tối thiểu 3 giờ đọc sách/tuần. Các hoạt động khuyến đọc luôn được quan tâm tổ chức như: giới thiệu sách vào thứ hai đầu tuần trong giờ sinh hoạt tập thể; tổ chức cho HS viết nhật kí đọc sách, viết bài cảm nhận hoặc giới thiệu sách gửi về Ban thư viện để bình chọn, trao thưởng; sân khấu hóa nội dung sách đã được đọc; thi kể chuyện, GV và HS trong trường bước đầu đã có nền nếp đọc sách, biết lựa chọn sách phù hợp và biết cách đọc hiệu quả. Việc đọc sách đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng GD toàn

diện của trường. Kinh nghiệm xây dựng và rèn luyện thói quen đọc sách cho HS của trường đã được cấp trên ghi nhận và nhiều đơn vị trong và ngoài tỉnh học tập. [H3-3.6-02]

Thư viện của trường đã được công nhận đạt chuẩn thư viện trường phổ thông năm 2013. Hàng năm, thư viện nhà trường được kiểm kê, bổ sung sách báo, tài liệu thường xuyên. Bình quân kinh phí mỗi năm bổ sung sách báo, tài liệu cho thư viện khoảng từ 30 – 50 triệu đồng. [H3-3.6-03]

2. Điểm mạnh

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các ấn phẩm tham khảo, trang thiết bị và máy tính nối mạng internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CB quản lý, GV, NV và HS.

Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động của thư viện, các hoạt động được tổ chức khoa học, hiệu quả giúp xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và góp phần quan trọng nâng cao chất lượng GD toàn diện.

Thư viện của nhà trường luôn được củng cố, tu bổ và bổ sung sách báo, tài liệu hàng năm. Thư viện đã đạt chuẩn thư viện trường phổ thông.

3. Điểm yếu.

Nghiệp vụ của NV phụ trách thư viện còn hạn chế nên việc tổ chức các hoạt động thư viện chưa phong phú và hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên rà soát để tu bổ trang thiết bị, bổ sung tài liệu thư viện phù hợp cho GV và HS, nhất là những tài liệu mới về GD cho GV.	HT, NV thư viện	Kinh phí	Trong các năm học	25-30 triệu đồng/ năm
Duy trì tốt nền nếp đọc sách và các hoạt động khuyến đọc đã thực hiện. Tăng cường giao lưu, nói chuyện về văn hóa đọc để nâng cao hơn nữa nhận thức của CB, GV, NV, HS và CMHS	HT, NV thư viện, Ban thư viện, GVCN		Thường xuyên trong năm học	10 triệu đồng/ năm
Dành kinh phí mua phần mềm quản lý thư viện, bồi dưỡng NV thư viện về sử dụng phần mềm quản lý, sắp xếp tài liệu trong thư viện.	HT	Kinh phí	Năm 2020	10 triệu đồng
Tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng Ngày sách Việt Nam 21/4.	HT	Kinh phí	Các năm	20 triệu đồng/ năm

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	*	Đạt

B	Đạt	-----		-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 3

Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích rộng, thoáng mát, sạch sẽ, khuôn viên được quy hoạch rất rõ ràng, hợp lý. Sân chơi, sân tập của trường có diện tích đảm bảo quy định, có trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, có nhiều cây bóng mát đảm bảo cho HS vui chơi, luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Có đủ phòng học riêng cho mỗi lớp, có các phòng học riêng cho các môn Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật và các phòng hỗ trợ HS khuyết tật, phòng thực hành khoa học, kĩ thuật. 100% các phòng học đều là phòng kiên cố, cao tầng, đảm bảo quy định về an toàn, vệ sinh học đường. Các phòng học có đủ các trang thiết bị thiết yếu, bàn ghế phục vụ tốt cho giảng dạy và học tập.

Có đủ phòng phục vụ học tập, phòng hành chính – quản trị theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Các phòng đều có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Nhà để xe của trường được bố trí vị trí thuận tiện, đảm bảo an toàn, có đủ chỗ cho GV và HS sắp xếp xe gọn gàng, trật tự. Bếp ăn bán trú được xây dựng 1 chiều với trang thiết bị đảm bảo quy định vệ sinh học đường.

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CB, GV, NV và HS, riêng cho nam và nữ. Công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế; được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan nhà trường, giúp GV, NV và HS (kể cả HS khuyết tật) vệ sinh thuận tiện, an toàn, sạch sẽ. Nhà trường đã sử dụng nguồn nước sạch trong sinh hoạt, nước uống tinh khiết cho GV và HS. Hệ thống thoát nước và thu gom rác thải đảm bảo quy định.

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học theo quy định và nhiều thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học hiện đại. Các thiết bị văn phòng, dạy học được bảo quản khoa học, sử dụng hiệu quả, được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung hàng năm. Nhà trường luôn khuyến khích, thúc đẩy GV, HS làm đồ dùng dạy, học và đã có nhiều đồ dùng dạy, học có hiệu quả sử dụng cao, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Thư viện của trường đã đạt chuẩn thư viện trường phổ thông và luôn được củng cố, tu bổ và bổ sung sách báo, tài liệu hàng năm. Hoạt động của thư viện phong phú và hiệu quả giúp xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và góp phần quan trọng nâng cao chất lượng GD toàn diện.

Điểm yếu:

Hệ thống cây xanh trên khu vực sân chơi mới được quy hoạch lại nên chưa có nhiều cây bóng mát to.

Còn một số bàn ghế ở các phòng học đã cũ, đang xuống cấp.

Chưa có nhiều thiết bị hiện đại như tivi, máy chiếu trong phòng học các lớp.

Chưa có khu nhà ăn, nghỉ riêng biệt cho HS bán trú.

Hệ thống dự trữ nước sinh hoạt còn hạn chế.

Có nhiều đồ dùng, thiết bị dạy học được cấp phát chất lượng kém, không còn phù hợp với việc dạy, học hiện nay. Thiết bị dạy học tự làm của GV, HS chưa đa dạng, phong phú, độ bền không cao.

Nhiệm vụ của NV phụ trách thư viện còn hạn chế nên việc sắp xếp, quản lý tài liệu thư viện chưa thật khoa học.

Kết quả:

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	---
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Nhà trường đã phối hợp với Ban đại diện CMHS trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD HS, giúp cho việc thực hiện các nhiệm vụ năm học diễn ra đúng tiến độ, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. CMHS cùng với nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để huy động các nguồn lực phục vụ các hoạt động GD của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ BDD CMHS;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3 (nếu có):

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ BDD CMHS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mỗi lớp học của nhà trường có một ban đại diện CMHS gồm 3 thành viên, trong đó có 1 trưởng ban, 1 phó ban và 1 ủy viên. Ban đại diện CMHS của các lớp do CMHS các lớp bầu ra trong hội nghị CMHS đầu năm học. Trước khai giảng mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp toàn bộ Ban đại diện CMHS của các lớp (lớp 1 cử Ban đại diện CMHS lâm thời) để thông qua báo cáo tổng kết các hoạt động của nhà trường trong năm học trước và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu các hoạt động của nhà trường trong năm học tiếp theo. Ban đại diện CMHS của nhà trường cũng tổng kết lại toàn bộ các hoạt động của CMHS trong năm học vừa qua và thông qua kế hoạch hoạt động của CMHS trong năm học tới. Nắm được phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của nhà trường và các hoạt động phối kết hợp của CMHS với nhà trường trong năm học tới, Ban đại diện CMHS các lớp cùng với GVCN tổ chức họp với CMHS lớp mình để thảo luận và thống nhất các nội dung hoạt động của Ban đại diện CMHS lớp mình, bầu Ban đại diện CMHS cho năm học mới. [H4-4.1-01]

Sau khi có quyết định công nhận Ban đại diện CMHS các lớp của HT, Ban đại diện CMHS của nhà trường được thành lập gồm các trưởng ban đại diện CMHS các lớp. Ban đại diện CMHS của trường bầu ra Trưởng ban và các thành viên thường trực, phụ trách phụ huynh HS của các thôn. [H4-4.1-01]

Nhà trường có lịch sinh hoạt định kỳ với ban đại diện CMHS của trường. Kỳ thứ nhất vào đầu năm học để định hướng, hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động của CMHS, của Ban đại diện. Kỳ thứ 2, họp sau khi có Ban đại diện mới của các lớp để nắm bắt và kiện toàn Ban đại diện, để xác định chương trình cụ thể trong công tác phối kết hợp. Kỳ thứ 3, cuối học kỳ I để báo cáo sơ kết hoạt động của nhà trường và đánh giá công tác phối hợp của CMHS trong học kỳ I, đồng thời, bổ sung, điều chỉnh các nội dung kết hợp trong học kỳ II cho phù hợp và hiệu quả hơn. Kỳ họp thứ 4 vào cuối năm học để báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ của nhà trường và tổng kết công tác của Ban đại diện CMHS. Ngoài họp định kỳ với Ban đại diện, nhà trường còn tổ chức sinh hoạt với toàn thể CMHS 3 lần/ năm học vào các thời điểm: trước khai giảng, cuối học kỳ I, cuối năm học. [H4-4.1-01]

b) Mỗi một năm học, Ban đại diện CMHS đều có kế hoạch hoạt động. Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở đóng góp ý kiến của Ban đại diện CMHS các lớp và nhà trường. Kế hoạch có sự đồng bộ với kế hoạch năm học của trường, chương trình hoạt động phù hợp, khả thi. [H4-4.1-02]

c) Ban đại diện CMHS của trường đã nghiêm túc tổ chức thực hiện kế hoạch đã xây dựng. Trưởng ban và các ủy viên thường trực định kỳ 2 tháng họp 1 lần để rà soát việc thực hiện kế hoạch và tổ chức họp đột xuất khi có công việc phát sinh. Cuối học kỳ I, cuối năm học, Ban đại diện CMHS tiến hành họp sơ kết, tổng kết các hoạt động của CMHS để kịp thời điều chỉnh. [H4-4.1-02]

Mức 2

Ban đại diện CMHS của lớp đã phối hợp tốt với GV chủ nhiệm lớp và các GV bộ môn tổ chức các hoạt động GD HS, phối hợp với GV chủ nhiệm lớp chuẩn bị nội dung của các cuộc họp CMHS trong năm học, tham gia GD đạo đức cho HS, khuyến khích HS giỏi, giúp đỡ HS yếu kém, vận động HS đã bỏ học trở lại tiếp tục học tập; giúp đỡ HS nghèo, HS khuyết tật và HS có hoàn cảnh khó khăn khác. Ban đại diện CMHS của lớp thường xuyên tổ chức lấy ý kiến CMHS của lớp về biện pháp quản lý GDHS và kiến nghị với GV chủ nhiệm lớp, GV bộ môn về biện pháp nâng cao chất lượng GD đạo đức, chất lượng dạy học. [H4-4.1-02]

Ban đại diện CMHS của trường phối hợp chặt chẽ với HT tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện CMHS với nhà trường. Kết hợp với HT hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GD đối với CMHS để nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, GDHS. Ban đại diện CMHS của trường còn phối hợp với HT GD đạo đức cho HS, khuyến khích HS giỏi, giúp đỡ HS yếu, HS nghèo, HS khuyết tật và HS có hoàn cảnh khó khăn khác. [H4-4.1-02]

Mức 3

Ban đại diện CMHS phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD. Cụ thể: đã vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; hỗ trợ, động viên HS tham gia các cuộc giao lưu, trải nghiệm, làm đồ dùng học tập, trang trí lớp học, ... Ban đại diện CMHS cũng đã tích cực tuyên truyền việc thực hiện phòng chống bạo lực, phòng chống xâm hại, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội, của CMHS về đổi mới GD như: mô hình VNEN,

Tiếng Việt công nghệ 1, dạy học theo định hướng phát triển năng lực, đánh giá HS theo Thông tư 22,... Hoạt động của Ban đại diện CMHS đã góp phần không nhỏ giúp nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học. [H4-4.1-03]

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS của nhà trường có cơ cấu tổ chức, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS được ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, chương trình và thực hiện sinh hoạt định kỳ với Ban đại diện CMHS và toàn thể CMHS của trường, phối kết hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động.

Ban đại diện CMHS đã xây dựng được kế hoạch hoạt động hàng năm và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch đã xây dựng. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện GD HS.

3. Điểm yếu

Mặc dù Ban đại diện CMHS của trường là những người có uy tín trong xã hội và CMHS song do độ tuổi cao nên chưa năng động và sáng tạo trong tổ chức hoạt động phối hợp.

Còn một bộ phận không nhỏ CMHS đi làm ăn xa nên việc phối hợp GD giữa CMHS với GV chủ nhiệm còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Kiên toàn Ban đại diện CMHS ngay đầu mỗi năm học. Quán triệt việc bầu chọn Ban đại diện của CMHS hướng đến tiêu chuẩn trẻ, năng động, có kiến thức.	HT, GVCN	Đúng quy định tại TT55/2011/TT-BGDĐT	Đầu năm học	
Làm tốt công tác hướng dẫn, tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của CMHS, đảm bảo kế hoạch thống nhất với kế hoạch năm học của trường và có tính khả thi.	HT, GVCN		Đầu năm học	
Giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đúng tiến độ, hiệu quả cao.	HT		Thường xuyên	
Tổ chức cho Ban đại diện CMHS tham quan, học hỏi các đơn vị có nhiều đổi mới trong hoạt động của CMHS	HT	Kinh phí	Trong các năm học	5 triệu đồng/năm

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3 (nếu có):

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Đầu mỗi năm học, trong phiên họp Hội đồng GD của xã chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường chủ động báo cáo với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về các nhiệm vụ trọng tâm của năm học, dự thảo kế hoạch năm học của nhà trường, chú trọng trình bày các biện pháp huy động học sinh ra lớp, làm phổ cập GD, tu bổ cơ sở vật chất, phối kết hợp với CMHS, với các đoàn thể của địa phương và những đổi mới của GD để Đảng ủy và chính quyền địa phương đưa ra các quyết sách hợp lý giúp nhà trường thực hiện tốt kế hoạch GD của mình. [H4-4.2-01]

b) Thông qua các cuộc họp CMHS, họp giao ban bí thư chi bộ hàng tháng, họp HĐND của xã, HT nhà trường thường xuyên tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành GD, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch GD của nhà trường để nhân dân, các tổ chức, cá nhân của địa phương được biết, được tham gia phát triển toàn diện nhà trường. Trong các hội nghị với CMHS, nhà trường thường xuyên cập nhật các nội dung, thông tin mới về GD. Chỉ đạo GV họp phụ huynh các lớp tích cực tuyên truyền và giải đáp những băn khoăn của CMHS về nội dung, phương pháp dạy học và cách đánh giá HS. [H4-4.2-01], [H4-4.1-01]

c) Nhà trường cùng với địa phương và CMHS tổ chức kêu gọi các nguồn lực tài chính từ các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, các tổ chức xã hội, CMHS để tăng cường các điều kiện CSVC và hỗ trợ các hoạt động GD của trường. Trong những năm qua, nhà trường đã nhận được nhiều sự ủng hộ, giúp đỡ của các tập thể, cá nhân. Cụ thể: Ông Vũ Đức Giang – Nguyên Chủ tịch tập đoàn dệt may Việt Nam ủng hộ 200 triệu đồng; Công ty Hòa Phát ủng hộ 200 triệu đồng; ông Vũ Đình Chuẩn – Vụ trưởng Vụ THCS, Bộ GD&ĐT ủng hộ 500 cuốn sách, 1 ti vi và 1 bảng thông minh; Hội Khuyến học của xã hàng năm đều cấp học bổng cho HS nghèo vượt khó, tặng thưởng cho GV, HS với kinh phí từ 15-20 triệu đồng,..... Ngoài ra, CMHS của trường hàng năm đều có các công trình tặng nhà trường. Cụ thể: năm học 2017-2018, CMHS xây 70 m tường bao phía đông trường; năm học 2018-2019, CMHS làm hệ thống lán chờ ngoài đường tỉnh lộ 487 tại điểm trường chính. Năm 2019-2020, làm hệ thống lán chờ ngoài đường tỉnh lộ 487 tại điểm trường lẻ. Các nguồn lực huy động được được công khai, minh bạch, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả. [H4-4.2-02]

Mức 2

a) Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy, UBND xã để tạo được sự đồng thuận, xây dựng môi trường GD lành mạnh, tích cực, đầu tư các điều kiện CSVC giúp nhà trường thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Về CSVC, trong 3 năm qua, UBND xã và CMHS đã đầu tư cho nhà trường hơn 7 tỉ đồng. Cụ thể: các công trình được đầu tư xây mới là nhà đa năng điểm trường chính là 1,1 tỉ đồng, điểm trường lẻ là 1 tỉ đồng; 6 phòng học điểm trường chính 2 tỉ đồng, tường bao sân tập điểm trường chính là 150 triệu đồng; tường bao sân tập điểm trường lẻ 450 triệu đồng; công trình vệ sinh HS điểm trường chính là 325 triệu đồng, công trình vệ sinh điểm trường lẻ là 630 triệu đồng; các công trình cải tạo, nâng cấp là sân chơi phía đông điểm trường chính là 600 triệu đồng; mái tôn chống nóng điểm trường chính là 560 triệu đồng, điểm trường lẻ là 420 triệu đồng. [H4-4.2-03]

b) Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể của địa phương để xây dựng môi trường GD lành mạnh, an toàn. Cụ thể: phối hợp với Hội khuyến học của xã xây dựng phong trào khuyến học, khuyến tài ở các thôn xóm, dòng họ; cùng với Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban bảo vệ, chăm sóc thiếu niên, nhi đồng và các ban ngành ở địa phương, hàng năm tổ chức cho HS vui Tết Trung thu, Tết 1/6, tổ chức hoạt động hè thật ý nghĩa; phối hợp với Ban công an xã xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trường học, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán, tổ chức tuyên truyền, kí cam kết chấp hành quy định về an toàn giao thông, về pháo nổ; phối hợp với trạm y tế xã trong công tác chăm sóc sức khỏe cho HS, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm. Chỉ đạo Chi Đoàn tổ chức tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường, tư vấn tâm lý cho HS, tuyên truyền bảo vệ môi trường, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, quyên góp ủng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em tàn tật, nạn nhân chất độc da cam, trẻ em vùng thiên tai, bão lũ, ...

Hàng năm, nhà trường thường tổ chức một số các hoạt động ngoại khoá để GD truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc như: thi tìm hiểu và viết bài về các di tích văn hóa, lịch sử của địa phương, nói chuyện chuyên đề về anh bộ đội cụ Hồ, ý nghĩa ngày 22/12, Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, truyền thống phụ nữ Việt Nam, ý nghĩa ngày Quốc tế phụ nữ 8/3; mít tinh kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam; tổ chức chăm sóc nghĩa trang, thấp nhen tri ân các liệt sĩ, tham gia ngày Chủ nhật xanh, Trong việc tổ chức các hoạt động này, nhà trường đã phối hợp và nhận được sự giúp đỡ của Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh... [H4-4.2-04]

Mức 3

Nhà trường đã tham mưu với Đảng ủy, chính quyền địa phương và phối hợp hiệu quả với các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn, các nhà hảo tâm, con em thành đạt của quê hương để có đủ các điều kiện xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, GD của địa phương. Hiện nay, nhà trường là một địa chỉ GD uy tín, tin cậy của CMHS và nhân dân địa phương. [H4-4.2-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, phối hợp tốt với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

Đã làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành GD, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch GD của nhà trường, tạo được sự đồng thuận, xây dựng được môi trường GD lành mạnh, tích cực.

Đã phối hợp khá tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa ở địa phương.

Đã huy động được nhiều nguồn lực để xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc phối hợp với một số tổ chức, đoàn thể của địa phương để tổ chức một số hoạt động GD chưa khoa học, chu đáo nên hiệu quả còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Đẩy mạnh việc tuyên truyền để nâng cao nhận thức về trách nhiệm của cộng đồng đối với sự nghiệp GD.	BGH, CBGVNV, CMHS		Thường xuyên trong các năm học	
Tiếp tục huy động sự giúp đỡ của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong việc tăng cường các điều kiện CSVC và hỗ trợ các hoạt động GD	BGH, CBGVNV, CMHS		Các năm học	200 triệu đồng/năm
Tích cực tham mưu với Đảng ủy, UBND xã để có nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương đầu tư xây dựng bể bơi cho nhà trường.	HT		Năm 2023	3 tỉ đồng
Xây dựng kế hoạch chi tiết từng hoạt động phối hợp với các đoàn thể, tổ chức của địa phương, chuẩn bị chu đáo mọi điều kiện để thực hiện các hoạt động có hiệu quả.	HT, PHT, TPT		Các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	A	Đạt	*	Đạt
B	Đạt	B	Đạt	-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 4

Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS của nhà trường có cơ cấu tổ chức, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS được ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban đại diện CMHS đã xây dựng được kế hoạch hoạt động hàng năm và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch đã xây dựng. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện GD HS.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương, phối hợp tốt với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc xây dựng và phát triển nhà trường. Làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về GD, tạo được sự đồng thuận, xây dựng được môi trường GD lành mạnh, tích cực, phối hợp GD truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung GD khác cho HS. Đã huy động được nhiều nguồn lực để xây dựng và phát triển nhà trường.

Điểm yếu

Mặc dù Ban đại diện CMHS của trường là những người có uy tín trong xã hội và CMHS song do độ tuổi cao nên chưa năng động và sáng tạo trong tổ chức hoạt động phối hợp.

Còn một bộ phận không nhỏ CMHS đi làm ăn xa nên việc phối hợp GD giữa CMHS với GV còn hạn chế.

Việc phối hợp với một số tổ chức, đoàn thể của địa phương để tổ chức một số hoạt động GD chưa khoa học, chu đáo nên hiệu quả còn hạn chế.

Kết quả:

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 4.1		X	x	x
Tiêu chí 4.2		X	x	x

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Kế hoạch GD của nhà trường được xây dựng theo quy định của Chương trình GD phổ thông cấp tiểu học, có cập nhật đầy đủ các quy định về chuyên môn của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, đảm bảo mục tiêu GD toàn diện. Kế hoạch đã được Phòng GD&ĐT huyện Nam Trực phê duyệt và được phổ biến công khai đến GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng. Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch GD đã xây dựng. Hàng năm đều rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp thực hiện kế

hoạch nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy, học. Công tác phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo, giúp đỡ HS có khó khăn được quan tâm đúng mức. Nhà trường cũng đã xây dựng và tổ chức nhiều hoạt động GD ngoài giờ chính khóa với nội dung, hình thức khá phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu, sở thích của HS, được các em tham gia tích cực, chủ động. Cùng với các trường trong xã, nhà trường đã làm tốt công tác PCGD xóa mù chữ, được công nhận PCGD tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2. Trong 5 năm qua, kết quả GD của nhà trường ở mức tốt.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.*

b) *Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch.*

c) *Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

a) *Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.*

b) *Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

a) Hàng năm, căn cứ vào quy định tại Chương trình GD phổ thông cấp Tiểu học được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT và điều kiện thực tế, nhà trường xây dựng kế hoạch GD cho mỗi năm học. [H5-5.1-01]

b) Kế hoạch GD của nhà trường có sự cân đối hài hòa giữa các nội dung GD đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, đảm bảo cho HS được phát triển toàn diện. Các hoạt động GD như dạy kỹ năng sống, tổ chức cho HS tham quan, dã ngoại, trải nghiệm hay các hoạt động vui chơi, múa hát, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục... có trong kế hoạch GD của nhà trường phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của HS tiểu học, tạo điều kiện cho các em phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo. [H5-5.1-02]

c) Các kế hoạch GD của nhà trường đều được HT giải trình trong hội nghị GD của xã, hội nghị chuyên môn của phòng GD&ĐT và được lãnh đạo phòng GD&ĐT huyện Nam Trực phê duyệt. [H5-5.1-02]

Mức 2:

a) Việc xây dựng kế hoạch GD của nhà trường mỗi năm học ngoài việc tuân thủ nghiêm túc chỉ đạo chuyên môn của cơ quan quản lý GD cấp trên từ đầu năm học còn được điều chỉnh, bổ sung kịp thời khi có những quy định mới. [H5-5.1-03]

b) Các kế hoạch GD của nhà trường được xây dựng rất cụ thể, tỉ mỉ, có sự tham gia đóng góp ý kiến của CB, GV, NV, và các lực lượng giáo dục khác. Sau khi được phê duyệt của phòng GD&ĐT huyện Nam Trực, kế hoạch GD của nhà trường được phổ biến, công khai đến tất cả thành viên của nhà trường, CMHS và cộng đồng để thực hiện cũng như phối hợp và giám sát việc thực hiện. [H5-5.1-04]

2. Điểm mạnh.

Kế hoạch GD của nhà trường được xây dựng theo đúng quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đã được giải

trình và được cấp trên phê duyệt, được công khai để các thành viên trong trường và cộng đồng cùng phối hợp giám sát thực hiện. Nhà trường luôn cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý GD cấp trên.

3. Điểm yếu.

Việc tuyên truyền, phổ biến, công khai kế hoạch GD của nhà trường với cộng đồng chưa thật hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác xây dựng kế hoạch GD mỗi năm học.	HT	Nghiên cứu kỹ văn bản quy định, các tài liệu tham khảo về đổi mới GD	Đầu mỗi năm học	
Tích cực phổ biến và tuyên truyền kế hoạch GD tới các thành viên trong trường và cộng đồng.	BGH, GV, NV		Hội nghị chuyên môn, hội nghị CMHS, kì họp HĐND xã, hội nghị GD của xã	
Xây dựng và thông qua chương trình phối hợp giữa nhà trường với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương trong việc tổ chức một số hoạt động GD của trường.	BGH, TPT Đội,	Tham mưu tổ chức hội nghị GD có đủ các ban, ngành, đoàn thể	Hội nghị GD của xã	
Cập nhật kết quả các hoạt động GD của nhà trường tới cộng đồng.	HT		Các buổi làm việc, hội nghị với địa phương, CMHS	
Nghiên cứu kỹ Chương trình GDPT mới và tích cực tuyên truyền, phổ biến để tạo sự đồng thuận, phối hợp khi thực hiện.	HT	Nghiên cứu kỹ văn bản	Các buổi làm việc, hội nghị với địa phương, CMHS	

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	-----	
b	Đạt	B	Đạt	-----	
c	Đạt	C	Đạt	-----	

Đạt	Đạt	
-----	-----	--

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học bắt buộc theo quy định của Bộ GD&ĐT gồm: Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức, Kỹ thuật, Thủ công, Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục. Tổ chức dạy 2 môn tự chọn là Tiếng Anh cho HS từ lớp 1-5 và Tin học cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 5. 100% học sinh của trường được học 10 buổi/ tuần. Thời lượng các môn học được thực hiện theo quy định tại Chương trình phổ thông cấp tiểu học. Ngoài các môn học, mỗi tuần nhà trường tổ chức cho HS 2 tiết sinh hoạt câu lạc bộ và 3 tiết học kỹ năng sống. Nhà trường còn tổ chức cho HS tham gia các hoạt động ngoại khóa như lao động công ích, tham quan, dã ngoại, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao. [H5-5.2-01]

b) Nhà trường đã làm tốt công tác tập huấn, tổ chức hội thảo cho GV trong trường về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học. Chỉ đạo tốt các tổ chuyên môn xây dựng, lựa chọn nội dung dạy học phù hợp với đối tượng HS, điều kiện nhà trường, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng. Chỉ đạo các tổ SHCM theo hướng nghiên cứu bài học để vận dụng phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học tích cực. Trong thời gian qua, GV trong nhà trường đã tích cực đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học để phát huy tính tích cực của HS; tổ chức các hoạt động dạy học linh hoạt, đảm bảo mục tiêu đề ra. [H5-5.2-02]

c) Năm học 2014- 2015 và năm học 2015- 2016, nhà trường thực hiện đánh giá HS theo đúng quy định tại Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ GD&ĐT. Từ năm học 2016- 2017 đến nay nhà trường thực hiện đánh giá HS theo đúng quy định tại Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. [H5-5.2-03]

Mức 2:

a) Trên cơ sở kế hoạch GD đã xây dựng, nội dung chương trình đã lựa chọn, nhà trường xây dựng thời khóa biểu cho từng lớp, từng GV. Phân cấp quản lý công tác duyệt soạn của GV rõ ràng, cụ thể, thường xuyên dự giờ, thăm lớp, phân tích chất lượng sau mỗi kì khảo sát, ...Tất cả các biện pháp trên đã giúp HT nhà trường giám sát hiệu quả việc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch dạy học, GD, kiểm tra việc lựa chọn nội

dung, phương pháp, hình thức dạy học của GV. 100% GV của trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch GD, không cắt xén, bỏ giờ, bỏ buổi, đã lựa chọn những nội dung và hình thức dạy học phù hợp và đáp ứng với yêu cầu, khả năng nhận thức của HS. [H5-5.2-04]

b) Nhà trường đã chỉ đạo GV chủ nhiệm các lớp phân loại đối tượng HS ngay từ đầu năm học. Trên cơ sở đó, xây dựng và chỉ đạo GV xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS có năng khiếu và phụ đạo, giúp đỡ HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Công tác phụ đạo HS có hoàn cảnh khó khăn được thực hiện chủ yếu ngay tại các tiết học hàng ngày. Công tác bồi dưỡng HS có năng khiếu ngoài được thực hiện trong các tiết học đại trà còn được bồi dưỡng trong các hoạt động câu lạc bộ HS. Năm học nào nhà trường cũng có HS tham gia và đạt giải trong các kì thi, giao lưu cấp huyện trở lên, tỷ lệ HS chưa hoàn thành chương trình môn học, lớp học luôn dưới 1%. [H5.5.2-05]

* Bảng thống kê số học sinh đạt giải cấp huyện, tỉnh trong 5 năm:

Năm học	Nội dung thi, giao lưu	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp QG
2014-2015	Thi IOE	12	2	1
	Hùng biện tiếng Anh	2	1	
	Violympic tiếng Anh	18		
	Violympic tiếng Việt	8		
	Thi viết đúng, viết đẹp	54		
	Thể dục, thể thao	3		
2015-2016	Thi IOE	23	4	1
	Violympic	55		
	Thi viết đúng, viết đẹp	55		
	Thể dục, thể thao	1		
2016-2017	Liên hoan PTNL HS	20	2	
	Hùng biện tiếng Anh	2		
	Thi IOE	19		
	Violympic tiếng Anh	27		
	Violympic tiếng Việt	26		
	Thi viết đúng, viết đẹp	51		
	Thể dục, thể thao	2		
2017-2018	Liên hoan PTNL HS	18		
	Hùng biện tiếng Anh	3		
	Violympic tiếng Anh			24(1 V, 7 B, 11 Đ, 5KK)
	Violympic tiếng Việt			17 (9 Đ, 8KK)
	Thi viết đúng, viết đẹp	55	1Ba	
	Thể dục, thể thao	1 Ba		
	Đồ dùng dạy học	5 (3A; 2B)		
	Sản phẩm Mĩ thuật	7 (7A)		
	Robotic (đồng đội)	3 (1 Nhất, 1 Nhì, 1 KK)		
	Toefl Primary		1 (1A2)	
2018-2019	Hùng biện tiếng Anh	10 (2Nhì, 2 Ba, 6KK)		

	Violympic tiếng Anh			11(2 Đồng, 9KK)
	Violympic tiếng Việt			4 (1 Bạc, 2 Đồng, 1 KK)
	Thi viết đúng, viết đẹp	56		
	Thể dục, thể thao	7(1Nhì, 4 Ba, 2KK)		
	Robotic (đồng đội)	5 (1Nhất, 1 Nhì, 1 Ba, 2 KK)		
	Toefl Primary		5 (1A2, 4A1)	

Mức 3:

Sau mỗi kì học, mỗi năm học, nhà trường tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của các biện pháp tổ chức hoạt động GD để kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhằm nâng cao chất lượng dạy, học của GV, HS. Công tác rà soát, đánh giá được thực hiện qua các buổi họp giao ban tháng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học và các phiên họp của HĐT. [H5-5.2-06]

2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch GD theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đã lựa chọn, nội dung thời lượng, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp, đáp ứng được khả năng nhận thức và điều kiện thực tế của địa phương. Nội dung dạy học, GD của nhà trường có sự cân đối hài hòa, đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện HS.

Nhà trường cũng đã tổ chức cho GV thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, GD, đổi mới đánh giá HS khá hiệu quả. Đa số GV trong nhà trường đã biết vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS, thực hiện đánh giá HS đúng quy định.

Công tác phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ, phụ đạo cho HS có khó khăn trong học tập và rèn luyện luôn được quan tâm và đạt được kết quả khá tốt.

3. Điểm yếu.

Một số GV chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn các nội dung và hình thức tổ chức dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Duy trì tốt các biện pháp đã thực hiện nhằm giám sát GV thực hiện đúng chương trình, kế hoạch GD; thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, thực hiện đổi mới về đánh giá HS.	BGH, tổ CM		Thường xuyên	
Chỉ đạo GV và các tổ chuyên môn tăng cường tự học, SHCM	BGH		Thường xuyên	

các chuyên đề về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học.				
Tăng cường công tác dự giờ, thăm lớp để giúp đỡ GV.	BGH, TTCM		Hàng tuần	
Thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá các biện pháp tổ chức hoạt động GD để kịp thời điều chỉnh, bổ sung.	BGH		Hàng tháng, hàng kì	

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
B	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác.

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo kế hoạch;
- b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;
- c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khóa cho HS. Nội dung, thời lượng của các hoạt động thực hiện theo đúng kế hoạch GD của nhà trường. Nhà trường chỉ đạo các bộ phận, cá nhân phụ trách thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã xây dựng. [H5-5.3-01]

b) Nhà trường xây dựng và tổ chức các hoạt động như: Tham quan tìm hiểu các di tích văn hóa, lịch sử của địa phương và các tỉnh lân cận; triển lãm đồ dùng dạy học; tổ chức "Ngày hội STEM"; tổ chức sinh hoạt chuyên đề "Sử dụng an toàn và tiết kiệm điện", "An toàn khi tham gia giao thông"; tổ chức lao động "Ngày chủ nhật xanh", tổ chức hoạt động trải nghiệm, sáng tạo làm các sản phẩm STEM; đọc sách, thể dục đầu giờ, múa hát tập thể giữa giờ và nhiều hoạt động tập thể mà các em đã trực tiếp tham gia như trang trí, trưng bày góc học tập, trang trí lớp,...[H5-5.3-02]

c) Các hoạt động ngoài giờ chính khóa của nhà trường đã nhận được sự hưởng ứng và tham gia tích cực của tất cả HS, sự phối hợp, giúp đỡ của CMHS và cộng đồng. [H5-5.3-02]

Mức 2:

Tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường đều được lập kế hoạch tổ

chức rất cụ thể, tỉ mỉ. Các em HS được tham gia vào tất cả các khâu, nhà trường luôn khuyến khích HS đưa ra ý tưởng và tự tổ chức thực hiện ý tưởng của mình, GV phụ trách chỉ là người tham mưu, định hướng cho các em. Chính vì vậy, HS rất chủ động và tự tin thể hiện khả năng sáng tạo của mình.[H5-5.3-03]

Mức 3:

Ngoài những hoạt động chung dành cho tất cả các đối tượng HS, nhà trường còn tổ chức một số hoạt động nhằm phát huy năng lực, sở trường của mỗi cá nhân HS, thông qua đó phát hiện, bồi dưỡng HS có năng khiếu. Tiêu biểu là hoạt động của các câu lạc bộ HS. Nhà trường có các câu lạc bộ toán tuổi thơ, Tiếng Anh, viết chữ đúng và đẹp, robot, văn nghệ, STEM, mỹ thuật.[H5-5.3-04]

2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch hoạt động GD ngoài giờ chính khóa cho mỗi một năm học. Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động của nhà trường tương đối phong phú, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường. Ngoài các hoạt động chung cho tất cả các học sinh nhằm đảm bảo mục tiêu GD toàn diện, nhà trường còn có các hoạt động nhằm phát huy năng lực riêng của mỗi cá nhân HS. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của nhà trường đã cuốn hút HS, được HS tham gia tích cực, chủ động, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng GD của trường

3. Điểm yếu.

Do nhận thức của 1 số GV về hoạt động ngoài giờ chính khóa còn hạn chế nên một số lớp triển khai hoạt động ngoài giờ chính khóa theo kế hoạch chung của trường hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Quán triệt và nâng cao nhận thức của GV, CMHS và cộng đồng về việc tổ chức thực hiện các hoạt động ngoài giờ chính khóa	HT - PHT		Ngay đầu mỗi năm học	
Làm tốt công tác xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khóa. Tăng cường các hoạt động nhằm phát huy năng lực sở trường của mỗi cá nhân HS.	PHT - TPT	Thành lập hội đồng tư vấn đề xây dựng kế hoạch	Tháng 8 hàng năm	
Chuẩn bị mọi điều kiện về nhân lực, kinh phí nhằm tổ chức hiệu quả các hoạt động đã xây dựng	BGH, TPT, GV		Thường xuyên	
Tham mưu tích cực với CMHS, cộng đồng để tạo sự đồng thuận và phối hợp tổ chức.	HT	Nắm vững mục tiêu đổi mới GD	Các kì họp với CMHS và địa phương	
Kêu gọi doanh nghiệp trên địa bàn, các nhà hảo tâm hỗ trợ tài	BGH, GV		Các kì họp với CMHS và địa	

lực.			phương	
------	--	--	--------	--

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
B	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học.

Mức 1:

a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;

b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1,2,3

a) Được phân công phụ trách công tác PCGD tiểu học tại miền Cổ Giã, An Nông, Thạch Cầu, Đông Quỳ, Đạo Quỳ, Nam Trục và Lạc Chính. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và nghiêm túc tổ chức thực hiện kế hoạch phổ cập GD tiểu học đã xây dựng. Nhà trường đã kết hợp với trường Trung học cơ sở và các trường Mầm non trong để làm tốt công tác điều tra phổ cập ở tất cả các xóm, cập nhật thông tin điều tra vào phần mềm phổ cập, số liệu số liệu điều tra phổ cập giáo dục chính xác, liên thông giữa các cấp học. Trên cơ sở điều tra thực tế, nhà trường đã thực hiện các biện pháp huy động trẻ đến lớp, duy trì sĩ số học sinh. Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được giúp đỡ, tạo mọi điều kiện để học tập, nhà trường đã huy động 100% trẻ trong độ tuổi đi học, không có trẻ bỏ học. Xã Nam Tiến được công nhận đạt PCGD xóa mù chữ mức độ 3, PCGD tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2.[H5-5.4-01]

b) Nhà trường đã lấy ngày 5/9 để tổ chức “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”. Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường mang ý nghĩa rất lớn trong việc huy động sức mạnh của toàn dân chăm lo đến sự nghiệp GD. Hàng năm, tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt 100%. [H5-5.4-02]

c) Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ quản lý công tác phổ cập như: sổ điều tra phổ cập, sổ đăng bộ, sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến, các biểu bảng thống kê. Tất cả hồ sơ được nhà trường cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, được lưu trữ và bảo quản tốt. Đặc biệt, công tác phổ cập của nhà trường và địa phương được quản lý bằng phần mềm nên rất khoa học và hiệu quả.[H5-5.4-03]

2. Điểm mạnh.

Hàng năm, nhà trường đã cùng với các trường trong xã làm tốt công tác điều tra phổ cập, xóa mù chữ tại địa phương. Xã Nam Tiến được công nhận đạt mức 3 của PCGD xóa mù chữ, đạt mức 2 PCGD tiểu học đúng độ tuổi.

Công tác huy động trẻ vào lớp 1 hàng năm của nhà trường luôn đạt 100%

Nhà trường có đủ hồ sơ sổ sách của công tác PCGD theo quy định. Hồ sơ được ghi chép cẩn thận, khoa học, lưu trữ tốt. Nhà trường cũng đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công tác phổ cập rất hiệu quả.

3. Điểm yếu.

Nhận thức của một số CMHS, cộng đồng về trẻ khuyết tật còn hạn chế dẫn đến việc phối hợp GD gặp rất nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác PCGD thật cụ thể, chi tiết.	HT	Thống nhất với trường THCS và Mầm non trong xã	Tháng 8 hàng năm	
Nắm chắc số liệu trẻ 0-5 tuổi, cập nhật diễn biến của trẻ để chủ động huy động, tuyển sinh 100% số trẻ trong độ tuổi.	GV phụ trách thôn xóm		Đầu năm học	
Chú trọng chất lượng đại trà, quan tâm giúp đỡ trẻ khó khăn trong học tập, rèn luyện để giữ vững kết quả PCGD tiểu học đúng độ tuổi.	BGH, GV		Thường xuyên	
Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tập huấn cho GV phụ trách làm tốt phần mềm phổ cập.	BGH		Tháng 8 hàng năm	10 triệu/năm
Nâng cao nhận thức của CMHS và xã hội về trẻ khuyết tật để tạo được sự đồng thuận, phối hợp GD có hiệu quả.	HT, GV	Làm việc riêng với CMHS trẻ khuyết tật		

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
B	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục.

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%.
b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%.
c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1,2,3

- a) Nhà trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng GD: chỉ đạo GV tích cực đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực của HS, tăng cường giúp đỡ HS yếu đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng. Vì vậy hiệu quả GD của nhà trường luôn ổn định, tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hàng năm đều đạt từ 99% trở lên. [H5-5.5-01]

Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình lớp học trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Toàn trường		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2014-2015	588	99,2	116	95,9	121	100	144	100	89	100	118	100
2015-2016	590	99,8	125	99,2	114	100	121	100	139	100	91	100
2016-2017	608	99,7	114	98,3	121	100	114	100	120	100	139	100
2017-2018	597	99,7	127	100	114	99,1	122	99,2	115	100	119	100
2018-2019	623	99,4	141	97,2	128	100	120	100	118	100	116	100

- b) Hàng năm, tỉ lệ trẻ 11 tuổi HTCCTH của nhà trường đều đạt tỉ lệ từ 98% trở lên. [H5-5.5-02]

Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành và đang học chương trình tiểu học trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Tổng số		HTCCTH		Đang học tiểu học		Ghi chú
	Diện PC	Khuyết tật	SL	%	SL	%	
2014-2015	138	0	136	98,6	2	1,4	
2015-2016	155	0	152	98,1	3	1,9	
2016-2017	123	0	122	99,2	1	0,8	
2017-2018	198	0	197	99,5	1	0,5	
2018-2019	163	1	161	98,8	2	1,2	

- c) Tỉ lệ trẻ 14 tuổi HTCCTH trong các năm học của nhà trường đều đạt 100%. [H5-5.5-03]

Năm học	Tổng số		HTCCTH				Ghi chú
	Diện PC	Khuyết tật	Số PC	%	Số KT	%	
2014-2015	563	0	563	100	0	0	
2015-2016	563	0	563	100	0	0	
2016-2017	548	0	547	99,8	0	0	
2017-2018	610	0	609	99,8	0	0	
2018-2019	628	0	628	100	0	0	

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có chất lượng GD tốt, bền vững. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và HS 11 tuổi HTCTTH đạt 99,5-100%. Tỷ lệ HS 14 tuổi HTCTTH đạt từ 99,8% trở lên.

3. Điểm yếu.

Vẫn còn có HS không phải là HS khuyết tật chưa hoàn thành chương trình lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mức thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Duy trì các biện pháp giúp nâng cao chất lượng đại trà đã thực hiện	BGH, GV		Thường xuyên	
Tăng cường bồi dưỡng cho GV dạy học theo định hướng phát triển năng lực, cá biệt hóa quá trình dạy học, giúp phát huy tối đa năng lực của HS.	BGH, GV		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		c	Đạt
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch GD theo đúng quy định và nghiêm túc thực hiện kế hoạch đã xây dựng. Nội dung dạy học, GD của nhà trường có sự cân đối hài hòa, đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện HS. Nhà trường cũng đã lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp, đáp ứng được khả năng nhận thức của HS và điều kiện thực tế của địa phương. Công tác chỉ đạo và tổ chức cho GV thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, GD, đổi mới đánh giá HS khá hiệu quả.

Việc phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ, phụ đạo cho học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện luôn được nhà trường quan tâm, kết quả đạt được khá tốt.

Ngoài các môn học, nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động GD ngoài giờ chính khóa cuốn hút HS, được HS tham gia tích cực, chủ động.

Nhà trường đã làm tốt công tác PCGD xóa mù chữ tại địa phương. Công tác huy động trẻ vào lớp 1 hàng năm của nhà trường luôn đạt 100%. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý phổ cập hiệu quả, lưu trữ hồ sơ tốt.

Chất lượng GD của nhà trường ở mức tốt, bền vững. Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học và HS 11 tuổi HTCTTH đạt 99,0-100%. Tỷ lệ HS 14 tuổi HTCTTH đạt từ 99,8% trở lên.

Điểm yếu:

Việc tuyên truyền, phổ biến, công khai kế hoạch GD của nhà trường với cộng đồng chưa thật hiệu quả.

Một số GV chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn các nội dung và hình thức tổ chức dạy học.

Do nhận thức của 1 số GV và CMHS về trẻ khuyết tật và hoạt động ngoài giờ chính khóa còn hạn chế nên việc phối hợp GD gặp rất nhiều khó khăn.

Vẫn còn có HS chưa hoàn thành chương trình lớp học.

Tiêu chí	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tiêu chí 5.1		X	X	---	
Tiêu chí 5.2		X	X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X	

II. Tự đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng.

Nhà trường đã nghiên cứu, học hỏi và tham khảo chương trình một số môn học, hoạt động GD của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới trong việc xây dựng Kế hoạch GD của trường. Được sự phê duyệt của các cơ quan quản lý chuyên môn cấp trên, nhà trường đã mạnh dạn vận dụng một số nội dung sau:

- Vận dụng các thành tố tích cực của mô hình trường tiểu học mới VNEN.

- Dạy ngoại ngữ cho HS lớp 2 theo giáo trình *My phonics* - bộ giáo trình tiếng Anh tiểu học gồm 5 cấp độ, được thiết kế chuyên biệt dành riêng cho lớp học Việt Nam. Được phối hợp biên soạn bởi các tác giả quốc tế, các giảng viên uy tín.

- Dạy Tin học cho HS lớp 3, lớp 4 theo chương trình IC3, IC4 – chương trình Tin học chuẩn quốc tế.

- Tổ chức hoạt động câu lạc bộ STEM – một định hướng học thông qua thực làm, vận dụng kiến thức kỹ năng của nhiều môn học, nhiều lĩnh vực. (toán, khoa học, công nghệ, kỹ thuật,...)

- Dạy học Mỹ thuật theo phương pháp của Đan Mạch.

- Dạy lập trình robot trên phần mềm mở Scratch. Đây là là một ngôn ngữ lập trình của Lifelong Kindergarten Lab của Học viện Công nghệ Massachusetts (MIT – Mỹ).

Nhờ có sự đầu tư nghiên cứu, sự chuẩn bị chu đáo về các điều kiện thực hiện nên nhà trường đã thu được kết quả khả quan, chất lượng GD được cải thiện đáng kể.[H5-5.1-01]; [H5-5.2-05]

2. Điểm mạnh.

Kế hoạch GD của nhà trường đã có sự tham khảo chương trình GD của một số nước tiên tiến, phù hợp với đối tượng học sinh, tình hình thực tế của nhà trường và định hướng đổi mới GD của Đảng và Nhà nước.

3. Điểm yếu.

Là đơn vị tiên phong nên chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa linh hoạt trong vận dụng.

Một số GV chưa nhiệt tình, trách nhiệm, ngại đổi mới, sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Nâng cao nhận thức của đội ngũ CB, GV, NV và CMHS, tạo sự đồng thuận khi triển khai các nội dung mới.	HT		Năm học 2019-2020	
Nghiên cứu, rút kinh nghiệm để tiếp tục triển khai các nội dung GD mới đạt hiệu quả cao hơn.	HT, PHT		Các năm học	
Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ để nâng cao năng lực thực hiện	HT	Kinh phí	Trong các năm học	30 triệu/năm

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng.

Nhà trường đã quan tâm hợp lý đến tất cả các đối tượng HS. HS có hoàn cảnh khó khăn được tạo mọi điều kiện để đến lớp, được động viên, khuyến khích, được tham gia mọi hoạt động GD của trường. HS có khó khăn về nhận thức, tâm lý được nhà trường chỉ đạo GV xây dựng và thực hiện kế hoạch GD riêng. Đa phần học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoàn thành mục tiêu GD cá nhân của mình. Tuy nhiên, hiện nay một số HS có khó khăn về tâm lý như trẻ trầm cảm, tự kỉ, GV chưa có kiến thức, kinh nghiệm GD đối với các em nên một số em chưa đạt được mục tiêu GD đề ra. [H1-1.6-01]

Học sinh có năng khiếu được phát hiện và bồi dưỡng kịp thời. Các em được tham gia nhiều hoạt động phát huy năng lực sở trường như tham gia các câu lạc bộ: văn nghệ, mỹ thuật, cờ vua, dance, võ thuật, robot, STEM, Tiếng Anh, Toán và Văn hay chữ đẹp. Nhà trường tạo cơ hội cho các em được tham gia các hội thi, giao lưu giúp các em được động viên, khuyến khích, phát huy tốt năng lực của mình như: Thi toán, tiếng Anh trên internet, thi hùng biện tiếng Anh, thi toefl primary, thi văn nghệ, thi giới thiệu sách, giao lưu toán tuổi thơ, thi robot, thi cờ vua, điền kinh, giao lưu võ thuật, ... Nhà trường có nhiều học sinh đạt giải trong các cuộc thi, giao lưu ở tất cả các lĩnh vực. [H5-5.2-05]

2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu kịp thời và hiệu quả

3. Điểm yếu.

Còn một số học sinh có khó khăn về nhận thức, tâm lí chưa hoàn thành mục tiêu GD cá nhân của mình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng cho GV dạy trẻ có khó khăn về nhận thức, tâm lí về nội dung, phương pháp GD trẻ.	HT, phó HT	Có lớp học	Các năm học	5 triệu đồng/năm
Duy trì các hình thức, nội dung bồi dưỡng HS có năng khiếu. Tạo cơ hội cho HS được giao lưu, học hỏi, cọ sát qua các hội thi, giao lưu, liên hoan,..	HT, phó HT	Kinh phí		30 triệu đồng/năm
Nâng cao nhận thức của CMHS về trẻ khuyết tật, xác định mục tiêu cụ thể với từng trẻ, chỉ đạo GV xây dựng kế hoạch GD riêng cho từng HS, phối hợp chặt chẽ với gia đình HS để trẻ hoàn thành được mục tiêu đề ra.	HT, phó HT, GV		Các năm học	
Huy động các nguồn lực từ cộng đồng, các nhà hảo tâm, các tổ chức chính trị, xã hội giúp đỡ HS khó khăn và động viên, khuyến khích HS có năng khiếu.	HT, Gv		Các năm học	20 triệu đồng/năm

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

Hệ thống thư viện của nhà trường gồm có: 2 phòng đọc, mỗi phòng có diện tích là 50 m², 1 phòng đọc cho GV có diện tích 24 m², 2 thư viện xanh có tổng diện tích 805 m² và mỗi lớp học có 1 tủ sách thư viện. Hệ thống thư viện của nhà trường đang được quản lý và tổ chức hoạt động theo mô hình của room to read. Tính đến tháng 3/2020, thư viện nhà trường có 3149 đầu sách với 6036 bản sách các loại, được chia theo trình độ đọc, được dán mã màu. Cụ thể: Xanh lá có 337 đầu – 589 cuốn, đỏ có 504 đầu – 581 cuốn, cam có 683 đầu – 1150 cuốn, trắng có 520 đầu -867 cuốn, xanh dương 412 đầu – 813 cuốn, vàng 693 đầu – 1766 cuốn. Sách trong thư viện có đủ các thể loại phù hợp với từng lứa tuổi học sinh tiểu học. Ngoài ra, thư viện còn có hàng nghìn đầu sách tham khảo, phục vụ cho việc tra cứu tài liệu, học tập của GV và HS. [H3.2.6-01]

Thư viện của nhà trường có máy tính nối mạng internet để học sinh tìm kiếm các tài liệu cần thiết. Nhân viên thư viện có nghiệp vụ và hướng dẫn học sinh tìm kiếm các thông tin, tài liệu chính thống trên internet.

Thư viện của trường đã được công nhận đạt chuẩn thư viện trường phổ thông năm 2013. Hàng năm, thư viện nhà trường được kiểm kê, bổ sung sách báo, tài liệu thường xuyên. Bình quân kinh phí mỗi năm bổ sung sách báo, tài liệu cho thư viện khoảng từ 30 – 50 triệu đồng. [H3-3.6-03]

2. Điểm mạnh.

Thư viện của nhà trường có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

3. Điểm yếu.

Do nghiệp vụ nhân viên thư viện còn hạn chế nên việc xây dựng tài liệu số chưa được phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên rà soát để tu bổ trang thiết bị, bổ sung tài liệu thư viện phù hợp cho GV và HS, nhất là những tài liệu mới về GD cho GV.	HT, NV thư viện	Kinh phí	Trong các năm học	25-30 triệu đồng/ năm
Duy trì tốt nền nếp đọc sách và các hoạt động khuyến đọc đã thực hiện. Tăng cường giao lưu, nói chuyện về văn hóa đọc để nâng cao hơn nữa nhận thức của CB, GV, NV, HS và CMHS	HT, NV thư viện, Ban thư viện, GVCN		Thường xuyên trong năm học	5 triệu đồng/ năm
Dành kinh phí mua phần mềm quản lý thư viện, bồi dưỡng NV thư viện về sử dụng phần mềm quản lý, sắp xếp tài liệu trong thư viện.	HT	Kinh phí	Năm 2020	5 triệu đồng
Bổ sung hệ thống máy tính kết nối internet để phát huy hiệu quả thư viện điện tử.	HT	Kinh phí	Năm 2020	30 triệu đồng/ năm

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường mới được xây dựng năm 2020. Cụ thể: Kế hoạch xây dựng phát triển nhà trường từ năm 2020 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Năm đầu tiên thực hiện kế hoạch chiến lược đã đảm bảo đúng tiến độ, mục tiêu đề ra [H1.1.1.01]; [H1-1.2-04]

2. Điểm mạnh.

Đã có Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Việc thực hiện đảm bảo đúng và vượt tiến độ và mục tiêu đề ra.

3. Điểm yếu.

Giai đoạn trước năm 2017 chưa xây dựng kế hoạch chiến lược đầy đủ, kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Định kỳ rà soát, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược đầu mỗi năm học và cập nhật trong các cuộc họp CMHS, các Hội nghị GD của địa phương, Website của nhà trường, Hội nghị học nhiệm vụ năm học của nhà trường.	HT, PHT và HĐT	Hệ thống máy tính kết nối internet	Phiên họp HĐT cuối mỗi năm học	
Xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện kế hoạch chiến lược cho mỗi một năm học.	HT, HĐT		Đầu mỗi năm học	
Chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện các nội dung trong kế hoạch chiến lược.	HT	Phối hợp với CMHS, địa phương	Thường xuyên	300-500tr
Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CMHS và cộng đồng trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược.	HT, HĐT		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng.

Chất lượng GD của nhà trường luôn trong top dẫn đầu của huyện. Trong 2 năm học 2017 – 2018 và năm học 2018-2019, chất lượng GD có bước tiến vững chắc. Không những thế, nhà trường luôn đi tiên phong trong phong trào đổi mới, sáng tạo. Nhà trường là điểm sáng trong tỉnh về xây dựng văn hóa đọc, về dạy học phát huy năng lực học sinh, về tổ chức bồi dưỡng HS năng khiếu thông qua mô hình câu lạc bộ. Việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khóa của nhà trường được Phòng GD&ĐT huyện Nam Trực, Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định đánh giá cao, được triển khai nhân rộng ở nhiều đơn vị. Năm học 2017-2018, nhà trường được UBND tỉnh tặng bằng khen; năm học 2018-2019, nhà trường được Hội đồng thi đua cấp huyện đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu. [H1-1.3-02]

2. Điểm mạnh.

Hai năm liên tiếp nhà trường có kết quả GD vượt mức bình quân chung, ở top đầu của huyện, tỉnh, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các

trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được UBND huyện, tỉnh và Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT ghi nhận.

3. Điểm yếu.

Nhà trường mới có một số, chưa có nhiều hoạt động vượt trội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Giữ vững và từng bước nâng cao chất lượng GD toàn diện của trường. Phần đầu luôn là trường có chất lượng GD trong tốp đầu của huyện, tỉnh.	HT, Phó HT, GV		Các năm học	
Phát huy thành quả đã đạt được, duy trì và nâng cao hơn nữa hiệu quả của các hoạt động nhà trường đang thực hiện.	HT, Phó HT, GV		Các năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt

KẾT LUẬN CÁC TIÊU CHÍ MỨC 4

Điểm mạnh.

Kế hoạch GD của nhà trường đã có sự tham khảo chương trình GD của một số nước tiên tiến, phù hợp với đối tượng học sinh, tình hình thực tế của nhà trường và định hướng đổi mới GD của Đảng và Nhà nước.

Nhà trường đã phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu kịp thời và hiệu quả

Thư viện của nhà trường đạt các yêu cầu của thư viện tiên tiến theo quy định của thư viện trường phổ thông.

Đã có Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Việc thực hiện đảm bảo vượt tiến độ và mục tiêu đề ra.

Hai năm liên tiếp nhà trường có kết quả GD vượt mức bình quân chung, ở tốp đầu của huyện, tỉnh, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được UBND huyện, tỉnh và Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT ghi nhận.

Điểm yếu:

Là đơn vị tiên phong nên chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa linh hoạt trong vận dụng chương trình GD tiên tiến.

Còn một số GV chưa nhiệt tình, trách nhiệm, ngại đổi mới, sáng tạo.

Còn một số học sinh có khó khăn về nhận thức, tâm lí chưa hoàn thành mục tiêu GD cá nhân của mình.

Nhân viên thư viện chưa có chuyên môn đào tạo đúng chuyên ngành, chỉ được bồi dưỡng công tác thư viện nên quản lý, tổ chức hoạt động thư viện hiệu quả chưa cao.

Chưa xây dựng kế hoạch chiến lược đầy đủ, kịp thời.

Kết quả

Tiêu chí	Không đạt	Đạt	Ghi chú
Tiêu chí 1	X		
Tiêu chí 2	X		

Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

Phần III
KẾT LUẬN CHUNG

Đối chiếu với Quy định về KĐCL GD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, ban hành kèm theo thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT, nhà trường đã đạt được yêu cầu trong quy định cụ thể như sau:

- Số lượng tiêu chí được đánh giá Đạt mức 1: 27/27 Tỷ lệ: 100%
- Số lượng tiêu chí được đánh giá Đạt mức 2: 27/27 Tỷ lệ: 100%
- Số lượng tiêu chí được đánh giá Đạt mức 3: 19/19 Tỷ lệ: 100%
- Số lượng tiêu chí được đánh giá Đạt mức 4: 3/5 Tỷ lệ: 60%
- Số lượng các tiêu chí được đánh giá Không đạt mức 4: 2/5 Tỷ lệ: 40%

Trường tiểu học Nam Tiến, huyện Nam Trực đề nghị đạt KĐCL GD cấp độ 3
Nam Trực, ngày 20 tháng 3 năm 2020

T.M HỘI ĐỒNG TĐG

Chủ tịch

Lê Thị Hạnh